

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Huệ

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN LẬP VÀ PHÂN
TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG
HÀNG KÊNH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên :Nguyễn Thị Huệ

Giảng viên hướng dẫn: Ths.Đông Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Huệ

Mã SV:120229

Lớp: QT1201K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng Kênh-Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....
.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **ĐỒNG THỊ NGA**

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hàng Kênh-xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam đang trong những giai đoạn đầu tiên của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Thành công trong việc gia nhập tổ chức thương mại quốc tế WTO cũng như việc đạt được được quy chế bình thường hóa quan hệ vĩnh viễn với hợp chủng quốc Hoa Kỳ là những dấu son đầu tiên đánh dấu bước đi quan trọng này. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sau hơn mười mấy năm thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế nước ta đã có những chuyển biến tích cực và vững chắc. Việc mở rộng thị trường, thực hiện chính sách đa phương hóa các quan hệ kinh tế tạo điều kiện tiền đề cho nền kinh tế phát triển. Hòa nhịp cùng những chuyển biến chung đó của nền kinh tế các doanh nghiệp xây dựng trên cương vị là một đơn vị kinh tế cơ sở, là tế bào của nền kinh tế quốc dân đã góp phần không nhỏ trong tiến trình phát triển đất nước. Xây dựng cơ bản là nền kinh tế rất phát triển trong thời kỳ kinh tế hiện nay, xây dựng cơ bản tạo ra cơ sở vật chất cho nền kinh tế quốc dân. Sản phẩm của xây dựng cơ bản là các công trình có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế vật chất. Bên cạnh đó sản phẩm của ngành xây dựng cũng thể hiện giá trị của sự thẩm mỹ, phong cách kiến trúc nên cũng mang ý nghĩa về mặt tinh thần, văn hóa xã hội.

Để có thể hội nhập với nền kinh tế thế giới, chúng ta cần phải có một cơ sở hạ tầng vững chắc là nền tảng cho các ngành khác phát triển và có một hệ thống xây dựng đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế. Do đó với mục tiêu đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, vốn đầu tư cho hiện đại hóa cơ sở hạ tầng ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong vốn đầu tư của nhà nước cũng như các doanh nghiệp sản xuất để phù hợp với xu thế phát triển. Đó là lợi nhuận cho các công ty xây lắp và xây dựng.

Tuy nhiên cùng với những thuận của việc hội nhập, chúng ta cũng phải trải qua rất nhiều thách thức. Đặc biệt trong năm 2011 nền kinh tế thế giới trải qua cơn khủng hoảng kinh tế trầm trọng, nó ảnh hưởng lan rộng tới khắp các nền kinh tế các nước. Nước ta đang trên đà phát triển, còn non trẻ về nhiều mặt nên gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới.

Việc lập và phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp thực sự rất cần thiết nhằm đánh giá đúng trạng thái thực của chúng ta và đó chính là mối quan tâm của ban giám đốc, các nhà quản lý công ty, nhà đầu tư cũng như khách hàng. Trên cơ sở đó có thể đưa ra các quyết định, cũng như các biện pháp tối ưu, phù hợp với mô hình hoạt động, quy mô của doanh nghiệp

Quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Hàng Kênh chi nhánh Xí nghiệp Xây dựng Hàng Kênh em có điều kiện tìm hiểu thực tế công tác hạch toán kế toán tại công ty. Xuất phát từ tầm quan trọng của việc lập và phân tích báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng, bằng những kiến thức thu thập được trong quá trình học tập và nghiên cứu tại nhà trường cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo và phòng tài chính kế toán tại công ty cũng như thầy cô giáo tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng đặc biệt là giảng viên Đồng Thị Nga- giảng viên trực tiếp hướng dẫn đã giúp em lựa chọn đề tài “*Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hàng Kênh Chi nhánh Xí nghiệp Xây dựng hàng Kênh*”

Nội dung bài khóa luận của em gồm có 3 phần:

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CHƯƠNG 2: THỰC TẾ TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

Do còn nhiều hạn chế về trình độ chuyên môn nên khóa luận em không tránh khỏi những khiếm khuyết, em mong được các thầy cô đóng góp ý kiến để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin trân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Huệ

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÀI CHÍNH LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1 Khái niệm báo cáo tài chính

Sau quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp thường phải tiến hành lập báo cáo tài chính để tổng hợp đánh giá một cách khái quát tình hình tài sản, nguồn vốn, công nợ... của đơn vị. Trên cơ sở các số liệu đó tiến hành phân tích, đánh giá tình hình tài chính, xác định nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh và đề ra các giải pháp hữu hiệu cho việc chỉ đạo sản xuất kinh doanh trong kỳ tới.

Như vậy, báo cáo tài chính là báo cáo tổng hợp từ số liệu các sổ kế toán theo các chỉ tiêu kinh tế tài chính tổng hợp phản ánh có hệ thống tình hình tài sản, nguồn vốn hình thành tài sản của doanh nghiệp, tình hình kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình quản lý, sử dụng vốn của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định vào một hệ thống biểu mẫu quy định thống nhất. Nói cách khác, báo cáo tài chính là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà cho vay, cơ quan thuế...

1.2. Mục đích vai trò của báo cáo tài chính

1.2.1 Mục đích của báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là sản phẩm cuối cùng của công tác kế toán trong một kỳ kế toán, phản ánh tổng quát tình hình tài sản, nguồn vốn cũng như tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Như vậy mục đích của báo cáo tài chính là:

+ Tổng hợp và trình bày một cách khái quát, toàn diện tình hình tài sản, công nợ, nguồn vốn, tình hình kết quả sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán.

+ Cung cấp thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu cho việc đánh giá thực trạng tài chính của doanh nghiệp, kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động đã qua và những dự đoán cho tương lai. Thông tin của báo cáo tài chính là

căn cứ quan trọng cho việc đề ra quyết định về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư vào doanh nghiệp của các chủ sở hữu, các nhà đầu tư, các chủ nợ hiện tại và tương lai của doanh nghiệp.

+ Thông tin tình hình tài chính doanh nghiệp: Tình hình tài chính doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của các nguồn lực kinh tế do doanh nghiệp kiểm soát, của cơ cấu tài chính, khả năng thanh toán, khả năng thích ứng cho phù hợp với môi trường kinh doanh. Nhờ thông tin về các nguồn lực kinh tế do doanh nghiệp kiểm soát và năng lực doanh nghiệp trong quá khứ đã tác động đến nguồn lực kinh tế này mà có thể dự đoán nguồn nhân lực của doanh nghiệp có thể tạo ra các khoản tiền và tương đương tiền trong tương lai.

+ Thông tin về cơ cấu tài chính: Có tác dụng lớn dự đoán nhu cầu đi vay, phương thức phân phối lợi nhuận, tiền lưu chuyển cũng là mối quan tâm của doanh nghiệp và cũng là thông tin cần thiết để dự đoán khả năng huy động các nguồn tài chính của doanh nghiệp.

+ Thông tin về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp đặc biệt là thông tin về tính sinh lời, thông tin về tình hình biến động sản xuất kinh doanh sẽ giúp cho đối tượng sử dụng đánh giá những thay đổi tiềm tàng của các nguồn lực kinh tế mà doanh nghiệp có thể kiểm soát trong tương lai, để dự đoán khả năng tạo ra các nguồn lực bổ sung mà doanh nghiệp có thể sử dụng.

+ Thông tin về sự biến động tình hình tài chính của doanh nghiệp: Những thông tin này trên báo cáo tài chính rất hữu ích trong việc đánh giá các hoạt động đầu tư, tài trợ và kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

1.2.2 Vai trò của báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp như các cơ quan Quản lý Nhà nước, các nhà đầu tư hiện tại và đầu tư tiềm tàng, kiểm toán viên độc lập và các đối tượng khác liên quan. Nhờ các thông tin này mà các đối tượng sử dụng có thể đánh giá chính xác hơn về năng lực của doanh nghiệp:

- Đối với các nhà quản lý doanh nghiệp: Báo cáo tài chính cung cấp các chỉ tiêu kinh tế dưới dạng tổng hợp sau một kỳ hoạt động, giúp cho họ trong

việc phân tích đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, xác định nguyên nhân tồn tại và những khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Từ đó đề ra các giải pháp, quyết định quản lý kịp thời, phù hợp với sự phát triển của mình trong tương lai.

- Đối với các cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước: Báo cáo tài chính cung cấp những thông tin trên cơ sở nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của mình mà từng cơ quan kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thực hiện các chính sách, chế độ quản lý – tài chính của doanh nghiệp như:

+ Cơ quan thuế: Kiểm tra tình hình thực hiện và chấp hành các loại thuế, xác định số thuế phải nộp, đã nộp, số thuế được khấu trừ, miễn giảm của doanh nghiệp...

+ Cơ quan tài chính: Kiểm tra đánh giá tình hình và hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp Nhà nước, kiểm tra việc chấp hành các chính sách quản lý nói chung và chính sách quản lý vốn nói riêng...

- Đối với đối tượng sử dụng khác như:

+ Chủ đầu tư: Báo cáo tài chính cung cấp các thông tin về những khả năng hoặc những rủi ro tiềm tàng của doanh nghiệp có liên quan tới việc đầu tư của họ, từ đó đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng đầu tư vào thời điểm nào, đối với lĩnh vực nào.

+ Các chủ nợ: Báo cáo tài chính cung cấp các thông tin về khả năng thanh toán của doanh nghiệp, từ đó chủ nợ đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng việc cho vay đối với các doanh nghiệp.

+ Các khách hàng: Báo cáo tài chính cung cấp các thông tin mà từ đó họ có thể phân tích được khả năng cung cấp của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng việc mua bán với doanh nghiệp

Ngoài ra, các thông tin trên báo cáo còn có tác dụng củng cố niềm tin và sức mạnh cho các công nhân viên của doanh nghiệp để họ nhiệt tình, hăng say trong lao động.

1.3. Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ

tài chính hệ thống báo cáo tài chính gồm:

- Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính tổng hợp.

1.3.1 Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ

1.3.1.1 Báo cáo tài chính năm gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

1.3.1.2 Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ và báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược

* Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ, gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ dạng đầy đủ (Mẫu số B01a-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ dạng đầy đủ (Mẫu số B02a-DN)

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ dạng đầy đủ (Mẫu số B03a-DN)

- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ (Mẫu số B09a-DN)

* Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ dạng tóm lược (Mẫu số B01b-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ dạng tóm lược (Mẫu số B02b-DN)

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ dạng tóm lược (Mẫu số B03-DN)

- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược (Mẫu số B09b-DN)

1.3.2 Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính tổng hợp

* Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B01-DN/HN)

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B02-DN/HN)

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B03-DN/HN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B09-DN/HN)
- * Báo cáo tài chính tổng hợp gồm:
 - Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B02-DN)
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
 - Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

1.4. Yêu cầu báo cáo tài chính

Để đạt được mục đích của báo cáo tài chính là cung cấp thông tin hữu ích cho các đối tượng sử dụng với những mục đích khác nhau khi đưa ra các quyết định kịp thời thì báo cáo tài chính phải đảm bảo những yêu cầu nhất định. Theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 21 thì báo cáo tài chính phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Báo cáo tài chính phải trình bày một cách trung thực và hợp lý. Để đáp ứng được yêu cầu này, doanh nghiệp phải:
 - + Lựa chọn và áp dụng các chế độ, chính sách kế toán phù hợp với các quy định cụ thể của nhà nước
 - + Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng.
 - + Trình bày khách quan, không thiên vị.
 - + Tuân thủ nguyên tắc thận trọng
 - + Trình bày đầy đủ mọi khía cạnh trọng yếu
- Báo cáo tài chính phải được trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành

1.5. Những nguyên tắc cơ bản lập báo cáo tài chính

Để đảm bảo những yêu cầu đối với báo cáo tài chính thì việc lập hệ thống báo cáo tài chính cần phải tuân thủ 06 nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 “ Trình bày báo cáo tài chính” như sau:

- Nguyên tắc hoạt động liên tục:

Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang

hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp, Giám đốc (người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải xem xét đến mọi thông tin có thể dự đoán được tối thiểu trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Nguyên tắc hoạt động dồn tích:

Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ thông tin liên quan đến luồng tiền.

Theo nguyên tắc này, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của các kỳ kế toán liên quan. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- Nguyên tắc nhất quán:

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ kế toán này sang niên độ kế toán khác, trừ khi:

+ Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện

+ Một chuẩn mực kế toán khác thay đổi trong việc trình bày

- Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp

Để xác định một khoản mục hay một tập hợp các khoản mục là trọng yếu phải đánh giá tính chất và quy mô của chúng. Tùy theo các tình huống cụ thể, tính chất hoặc quy mô của từng khoản mục có thể là nhân tố quyết định tính trọng yếu.

Theo nguyên tắc trọng yếu, doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính của các chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin đó không có tính trọng yếu

- Nguyên tắc bù trừ

+ Bù trừ tài sản và nợ phải trả: Khi ghi nhận các giao dịch kinh tế và các sự kiện để lập và trình bày báo cáo tài chính không được bù trừ tài sản và công nợ, mà phải trình bày riêng biệt tất cả các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính.

+ Bù trừ doanh thu, thu nhập khác và chi phí: Được bù trừ khi quy định tại một chuẩn mực kế toán khác, hoặc một số giao dịch ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp thì được bù trừ khi ghi nhận giao dịch và trình bày báo cáo tài chính.

- Nguyên tắc có thể so sánh

Các thông tin trong báo cáo tài chính nhằm so sánh các kỳ kế toán với nhau, phải được trình bày tương ứng với thông tin số liệu trong BCTC năm trước, các thông tin bvaogồm cả thông tin diễn đạt bằng lời. Khi thay đổi cách trình bày hoặc phân loại các khoản mục thì phải phân loại các số liệu so sánh nhằm đảm bảo khả năng so sánh với kỳ hiện tại, và phải nêu rõ lý do của việc phân loại .

1.6. Trách nhiệm lập, kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo tài chính.

Theo quyết định số 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thì trách nhiệm lập, kỳ lập, thời hạn và nơi nhận báo cáo tài chính được quy định như sau:

1.6.1 Trách nhiệm lập báo cáo tài chính

- Tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế đều phải lập và trình bày báo cáo tài chính năm.

Công ty, Tổng Công ty có các đơn vị kế toán trực thuộc, ngoài việc phải lập báo cáo tài chính năm của Công ty, Tổng Công ty còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc phải lập báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm dựa trên báo cáo tài chính của đơn vị kế toán trực thuộc Công ty, Tổng Công ty.

- Đối với các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán còn phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ.

Các doanh nghiệp khác nếu tự nguyện lập báo cáo tài chính giữa niên độ

thì được lựa chọn dạng đầy đủ hoặc tóm lược.

Đối với Tổng Công ty Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc lập báo cáo tài chính giữa niên độ (Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được thực hiện bắt đầu từ năm 2011).

- Công ty mẹ và tập đoàn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (được thực hiện bắt đầu từ năm 2011) và báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm theo quy định tại nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 của Chính phủ. Ngoài ra còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất sau khi hợp nhất kinh doanh theo quy định chuẩn mực kế toán số 11 “Hợp nhất kinh doanh”

1.6.2. Kỳ lập báo cáo tài chính

1.6.2.1 Kỳ lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế.

Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không vượt quá 15 tháng.

1.6.2.2 Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ là mỗi quý của năm tài chính (Không bao gồm quý IV).

1.6.2.3 Kỳ lập báo cáo tài chính khác

Các doanh nghiệp có thể lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác nhau (như tuần, tháng, 6 tháng, 9 tháng...) theo yêu cầu của pháp luật, của Công ty mẹ hoặc của chủ sở hữu.

Đơn vị kế toán bị chia tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản phải lập báo cáo tài chính tại thời điểm chia tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hợp đồng, phá sản.

1.6.3 Thời hạn nộp báo cáo tài chính**1.6.3.1 Đối với doanh nghiệp Nhà nước**

- Thời hạn nộp báo cáo tài chính quý

+ Đơn vị phải nộp báo cáo tài chính quý chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý, đối với Tổng Công ty Nhà nước nộp báo cáo tài chính quý cho tổng Công ty theo thời hạn Tổng Công ty quy định.

- Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm:

+ Đơn vị kế toán phải nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; Đối với Tổng Công ty Nhà nước chậm nhất là 90 ngày.

+ Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng Công ty Nhà nước nộp báo cáo tài chính năm cho Tổng Công ty theo thời hạn do tổng Công ty quy định.

1.6.3.2 Đối với các loại doanh nghiệp khác

- Đơn vị kế toán là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp doanh phải nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, đối với các đơn vị kế toán khác, thời hạn nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày.

- Đơn vị kế toán trực thuộc nộp báo cáo tài chính năm cho đơn vị kế toán cấp trên theo thời hạn do đơn vị kế toán cấp trên quy định.

Các loại doanh nghiệp (4)	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế (2)	Cơ quan thống kê	DN cấp trên (3)	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý, năm	X(1)	X	X	X	X
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	X	X	X	X	X
3. Các doanh nghiệp khác	Năm		X	X	X	X

1.6.4 Nơi nhận báo cáo tài chính

(1) Đối với các doanh nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải lập và nộp báo cáo tài chính do Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với doanh nghiệp Nhà nước Trung ương còn phải nộp báo cáo tài chính cho bộ tài chính (Cục tài chính doanh nghiệp)

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước như : Ngân hàng thương mại , công ty sở hữu kiến thiết ,tổ chức tiên dụng , doanh nghiệp bảo hiểm ,công ty kinh doanh chứng khoán phải nộp báo cáo tài chính cho bộ tài chính (Vụ tài chính ngân hàng). Riêng công ty kinh doanh chứng khoán còn phải nộp báo cáo tài chính cho Ủy ban chứng khoán nhà nước .

(2) Các doanh nghiệp phải gửi báo cáo tài chính cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thuế tại địa phương . Đối với các tổng công ty nhà nước còn phải nộp báo cáo tài chính cho bộ tài chính (tổng cục thuế) .

(3) DNNN có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp báo cáo tài chính cho đơn vị kế toán cấp trên . Đối với doanh nghiệp khác có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp báo cáo tài chính cho đơn vị cấp trên theo đơn vị kế toán cấp trên .

(4) Đối với các doanh nghiệp mà pháp luật quy định phải kiểm toán báo cáo tài chính thì phải kiểm toán trước khi nộp báo cáo tài chính theo quy định. Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp đã được kiểm toán phải đính kèm báo cáo kiểm toán và báo cáo tài chính khi nộp cho cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp cấp trên.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

2.1. Khái niệm và kết cấu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.1.1 Khái niệm

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp chi tiết theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác.

Báo cáo kết quả kinh doanh cũng là báo cáo tài chính quan trọng cho nhiều đối tượng sử dụng khác nhau nhằm phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả

hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lợi của doanh nghiệp

2.1.2 Kết cấu.

Theo quyết số 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thì báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có kết cấu gồm 5 cột:

- Cột 1: Các chỉ tiêu báo cáo tài chính
- Cột 2: Mã số của các chỉ tiêu tương ứng.
- Cột 3: Số hiệu tương ứng với các chỉ tiêu của báo cáo này được thể hiện chỉ tiêu trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính.
- Cột 4: Tổng số phát sinh trong kỳ báo cáo năm.
- Cột 5: Số liệu của năm trước (để so sánh)

Đơn vị báo cáo:.....

Mẫu số B02-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng- BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm:

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)				
4. Giá vốn hàng bán				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính				
7. Chi phí tài chính				
- Trong đó: Chi phí lãi vay				
8. Chi phí bán hàng				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp				
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }				
11. Thu nhập khác				
12. Chi phí khác				
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)				

HP, ngày ...tháng ...năm...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2. Công tác chuẩn bị trước khi lập báo cáo kết quả kinh doanh

- Để đảm bảo tính kịp thời và tính chính xác của các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh, kế toán cần tiến hành các bước công việc sau:

- Kiểm soát các chứng từ kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ đã cập nhập vào sổ kế toán chưa, nếu cần hoàn chỉnh tiếp tục việc ghi sổ kế toán (đây là khâu đầu trong việc kiểm soát thông tin kế toán là có thực, vì chứng từ kế toán là bằng chứng chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh).

- Cộng sổ kế toán các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 để kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Khoá sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Đối chiếu sự phù hợp về số liệu kế toán giữa các sổ kế toán tổng hợp với nhau, giữa sổ kế toán tổng hợp với sổ kế toán chi tiết. Nếu chưa thấy phù hợp phải thực hiện điều chỉnh lại số liệu theo nguyên tắc sửa sổ.

- Kiểm kê và lập biên bản sử lý kiểm kê, thực hiện điều chỉnh số liệu trên hệ thống sổ kế toán trên cơ sở biên bản sử lý kiểm kê.

- Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.3. Nguồn số liệu và phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.3.1 Nguồn số liệu

- Căn cứ vào báo cáo kết quả kinh doanh của năm trước.

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

2.3.2 Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- “Mã số” ghi ở cột 2 dùng để cộng khi lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất.

- Số liệu ghi ở cột 3 “Thuyết minh” của báo cáo này thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm.

- Số liệu ghi ở cột 5 “Năm trước” của báo cáo kỳ này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo tài

chính năm trước.

- Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu vào cột 4 “ Năm nay” thực hiện theo chuẩn mực kế toán hiện hành, cụ thể như sau:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ trong năm báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Có của TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ” trong năm báo cáo trên sổ Cái hoặc Nhật ký - sổ Cái.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các khoản được giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này và lũy kế số phát sinh bên Nợ của TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “ và TK 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ “ đối ứng với bên Có của TK 521 “Chiết khấu thương mại “, TK 531 “ Hàng bán bị trả lại “, TK 532 “ Giảm giá hàng bán”, TK 333 “ Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước” (TK3331, TK3332, TK3333) trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

Chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, BĐS đầu tư và cung cấp dịch vụ đã trừ các khoản giảm trừ (Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp) trong kỳ báo cáo làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

$$\text{Mã số 10} = \text{Mã số 01} - \text{Mã số 02}$$

4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá vốn của hàng hoá, BĐS đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối dịch vụ hoàn thành đã

cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có TK 632 “ Giá vốn hàng bán “đôi ứng với bên nợ TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật Ký - Sổ Cái.

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng hoá, thành phẩm. BĐS đầu tư và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 20} = \text{Mã số 10} - \text{Mã số 11}$$

6. Doanh thu về hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chỉ tiêu này phản ánh doanh thu hoạt động tài chính thuần (Tổng doanh thu Trừ (-) Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (nếu có) liên quan đến hoạt động khác) phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ của TK 511 “ Doanh thu hoạt động tài chính “đôi ứng với bên Có của TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh “ trong năm báo cáo trên Sổ cái hoặc trên Nhật ký-Sổ Cái.

7. Chi phí tài chính (Mã số 22)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí tài chính, gồm tiền lãi vay phải trả, chi phí bản quyền, chi phí hoạt động kinh doanh,...Phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính” đối ứng với bên nợ Tk 911 “ xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

- Trong đó: Chi phí lãi vay (Mã số 23) chỉ tiêu này phản ánh chi phí lãi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào sổ chi tiết TK 635.

8. Chi phí bán hàng (Mã số 24)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí bán hàng hoá, thành phẩm đã bán, dịch vụ đã cung cấp phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu được ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của TK 641 “Chi phí bán hàng” đối ứng với bên nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên

sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái.

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của TK 642 đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)

Chỉ tiêu này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24} - \text{Mã số 25}$$

11. Thu nhập khác (Mã số 31)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản thu nhập khác (Sau khi trừ thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp), phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ TK 711 “Thu nhập khác” đối ứng với bên có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

12. Chi phí khác (Mã số 32)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các khoản chi phí phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 811 “Chi phí khác” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

13. Lợi nhuận khác (Mã số 40)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa thu nhập khác (Sau khi trừ đi thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp) với chi phí khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32}$$

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng lợi nhuận kế toán thực hiện trong năm báo cáo của doanh nghiệp trước khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40}$$

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” trên sổ kế toán chi tiết TK 8211, hoặc làm căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 8211 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo, Trường hợp này số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết TK 8211.

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu để ghi và chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên có TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 8212 hoặc căn cứ vào số phát sinh được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết TK 8212.

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thuần (hoặc lỗ) sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp.

$$\text{Mã số 60} = \text{Mã số 50} - (\text{Mã số 51} + \text{Mã số 52})$$

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mã số 70)

Chỉ tiêu này được hướng dẫn cách tính toán theo thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

3.1. Mục đích và ý nghĩa, chức năng của việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp.

3.1.1 Khái niệm phân tích báo cáo tài chính

Phân tích báo cáo tài chính là quá trình xem xét, kiểm tra, đối chiếu và so sánh số liệu tài chính hiện hành với quá khứ. Thông qua phân tích báo cáo tài

chính, người sử dụng thông tin có thể đánh giá khả năng tiềm tàng, hiệu quả kinh doanh cũng như những rủi ro tương lai.

Hay nói cách khác Phân tích tài chính là quá trình tìm hiểu các kết quả của sự quản lý và điều hành tài chính ở doanh nghiệp được phản ánh trên các báo cáo tài chính đồng thời đánh giá những gì đã làm được, dự kiến những gì sẽ xảy ra trên cơ sở đó kiến nghị những biện pháp để tận dụng triệt để những điểm mạnh, khắc phục các điểm yếu.

3.1.2. Ý nghĩa của phân tích báo cáo tài chính

Hoạt động tài chính có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp, và có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành, tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Do đó tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh đều có ảnh hưởng đến tình hình tài chính doanh nghiệp.

Ngược lại, tình hình tài chính tốt hay xấu đều có tác động thúc đẩy hoặc kiềm hãm đối với quá trình sản xuất kinh doanh. Vì thế cần phải thường xuyên, kịp thời đánh giá, kiểm tra tình hình tài chính của doanh nghiệp, trong đó công tác phân tích hoạt động kinh tế giữ vai trò quan trọng và có ý nghĩa sau:

- Qua phân tích tình hình tài chính mới đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình phân phối, sử dụng và quản lý các loại vốn, nguồn vốn, vạch rõ khả năng tiềm tàng về vốn của xí nghiệp. Trên cơ sở đó đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giúp doanh nghiệp củng cố tốt hơn hoạt động tài chính của mình.

- Phân tích tình hình tài chính là công cụ không thể thiếu phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan cấp trên, cơ quan tài chính, ngân hàng như: đánh giá tình hình thực hiện các chế độ, chính sách về tài chính của nhà nước, xem xét việc cho vay vốn...

3.1.3 Mục đích của phân tích báo cáo tài chính

Phân tích tài chính có thể được hiểu như quá trình kiểm tra, xem xét các số liệu tài chính hiện hành và quá khứ, nhằm mục đích đánh giá, dự tính các rủi ro tiềm ẩn trong tương lai phục vụ cho các quyết định tài chính của doanh nghiệp. Mặt khác phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp là để đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của nhiều đối tượng quan tâm đến những khía cạnh khác nhau về

tài chính của doanh nghiệp để phục vụ cho những mục đích của mình.

Đối với nhà quản trị doanh nghiệp: Phân tích tình hình tài chính nhằm mục tiêu:

- Tạo thành các chu kỳ đánh giá đều đặn về các hoạt động kinh doanh quá khứ, tiến hành cân đối tài chính, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, trả nợ, rủi ro tài chính của doanh nghiệp.

- Định hướng các quyết định của ban giám đốc như: quyết định đầu tư, tài trợ, phân chia lợi tức, cổ phần,...

- Là cơ sở cho các dự báo tài chính: kế hoạch đầu tư, phân ngân sách tiền mặt,...

- Là công cụ để kiểm soát các hoạt động quản lý...

Đối với đơn vị chủ sở hữu: Họ cũng quan tâm đến lợi nhuận và khả năng trả nợ, sự an toàn của tiền vốn bỏ ra, thông qua phân tích tình hình tài chính giúp họ đánh giá hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh, khả năng điều hành hoạt động của nhà quản trị để quyết định sử dụng hoặc bãi miễn nhà quản trị, cũng như quyết định việc phân phối kết quả kinh doanh.

Đối với nhà chủ nợ: (Ngân hàng, các nhà cho vay, nhà cung cấp) mối quan tâm của họ hướng vào khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Do đó họ cần chú ý đến tình hình và khả năng thanh toán của đơn vị cũng như quan tâm đến lượng vốn của chủ sở hữu, khả năng sinh lời để đánh giá đơn vị có khả năng trả nợ được hay không trước khi quyết định cho vay hay bán chịu sản phẩm cho đơn vị.

Đối với nhà đầu tư trong tương lai: Điều mà họ quan tâm đầu tiên, đó là sự an toàn của lượng vốn đầu tư, kế đó là mức độ sinh lãi, thời gian hoàn vốn. Vì vậy họ cần những thông tin về tài chính, tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, tiềm năng tăng trưởng của doanh nghiệp. Do đó họ thường phân tích báo cáo tài chính của đơn vị qua các thời kỳ, để quyết định đầu tư vào đơn vị hay không, đầu tư dưới hình thức nào và đầu tư vào lĩnh vực nào.

Đối với cơ quan chức năng: Như cơ quan thuế, thông qua thông tin trên báo cáo tài chính xác định các khoản nghĩa vụ đơn vị phải thực hiện đối với nhà

nước, cơ quan thống kê tổng hợp phân tích hình thành số liệu thống kê, chỉ số thống kê,...

Vì vậy, thông qua phân tích hoạt động tài chính có thể xem xét các số liệu tài chính hiện hành với quá khứ từ đó người sử dụng thông tin đánh giá thực trạng tài chính, hiệu quả kinh doanh cũng như rủi ro trong tương lai hoặc triển vọng phát triển của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó có biện pháp hữu hiệu và ra các quyết định cần thiết để nâng cao chất lượng công tác quản lý.

3.1.4 Chức năng của phân tích báo cáo tài chính

3.1.4.1 Chức năng đánh giá

Tài chính doanh nghiệp là hệ thống các luồng chuyển dịch giá trị, các luồng vận động của những nguồn lực tài chính trong quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ hoặc vốn hoạt động của doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu kinh doanh trong khuôn khổ của pháp luật.

Chức năng đánh giá của tài chính doanh nghiệp đó là làm rõ những vấn đề sau:

+ Các luồng chuyển dịch giá trị, sự vận động của các nguồn tài chính nảy sinh và diễn ra như thế nào? Nó tác động ra sao đến quá trình kinh doanh, chịu ảnh hưởng của những yếu tố nào? Có gần với mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp hay không? Có phù hợp với cơ chế chính sách và pháp luật hay không?

+ Quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng vốn hoạt động, các quỹ tiền tệ ở doanh nghiệp diễn ra như thế nào, tác động ra sao đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp...

3.1.4.2 Chức năng dự đoán

Các doanh nghiệp cho dù đang ở giai đoạn nào trong chu kỳ phát triển thì các hoạt động cũng đều hướng tới những mục tiêu nhất định.

Những mục tiêu này được hình thành từ nhận thức về điều kiện, năng lực của bản thân cũng như diễn biến của tình hình kinh tế quốc tế, trong nước, ngành nghề và các doanh nghiệp khác cùng loại, sự tác động của các yếu tố kinh tế xã hội trong tương lai.

Chức năng dự đoán tài chính doanh nghiệp là dự đoán sự biến động của các

yếu tố đó để có những quyết định phù hợp và tổ chức thực hiện hợp lý, đáp ứng được mục tiêu mong muốn của những đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp trong tương lai.

3.1.4.3 Chức năng điều chỉnh

Tài chính doanh nghiệp là hệ thống các quan hệ kinh tế tài chính dưới hình thái giá trị phát sinh trong quá trình tiến hành các hoạt động.

Hệ thống các quan hệ đó bao gồm nhiều loại khác nhau rất đa dạng, phong phú, và phức tạp, chịu ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân và nhân tố cả bên trong lẫn bên ngoài doanh nghiệp.

Hệ thống các quan hệ kinh tế tài chính đó sẽ là bình thường nếu tất cả các mắt xích trong hệ thống đều diễn ra bình thường và đó là sự kết hợp hài hòa các mối quan hệ.

Tuy nhiên, những mối quan hệ kinh tế ngoại sinh, bản thân doanh nghiệp cũng như các đối tượng quan tâm không thể kiểm soát và chi phối toàn bộ. Vì vậy, để kết hợp hài hòa các mối quan hệ, doanh nghiệp, các đối tượng có liên quan phải điều chỉnh các mối quan hệ và nghiệp vụ kinh tế nội sinh.

Muốn vậy, cần nhận thức rõ nội dung, tính chất, hình thức và xu hướng phát triển của các quan hệ kinh tế tài chính có liên quan.

Chức năng điều chỉnh của phân tích tài chính doanh nghiệp giúp doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm nhận thức được điều này

3.2. Nội dung và phương pháp phân tích báo cáo tài chính

3.2.1 Nội dung phân tích báo cáo tài chính

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà Nước, các doanh nghiệp đều được bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh. Đối với mỗi doanh nghiệp, ngoài chủ doanh nghiệp còn có đối tượng khác quan tâm như các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các nhà cho vay... Chính vì vậy mà việc thường xuyên phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình tài chính doanh nghiệp để đưa ra các biện pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng, công tác quản lý kinh doanh.

Từ luận trên, nội dung phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp sẽ đánh

giá đầy đủ nhất và là bức tranh toàn cảnh về tình hình tài chính doanh nghiệp .

Việc phân tích báo cáo tài chính bao gồm các nội dung sau;

- Đánh giá khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp.
- Phân tích việc đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phân tích bảng cân đối kế toán.
- Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Phân tích thuyết minh báo cáo tài chính.
- Phân tích tình hình và khả năng thanh toán.
- Phân tích hiệu quả kinh doanh.
- Phân tích khả năng sinh lợi của hoạt động kinh doanh.
- Phân tích điểm hoà vốn trong kinh doanh.

3.2.2. Phương pháp phân tích

Để nắm được đầy đủ thực trạng tài chính cũng như tình hình sử dụng hiệu quả và khả năng sinh lợi của hoạt động kinh doanh, cần thiết phải đi sâu xem xét các mối quan hệ và tình hình biến động của các khoản mục trong từng báo cáo tài chính ,và giữa các báo cáo tài chính với nhau.

Việc phân tích báo cáo tài chính thường được phân tích bằng các phương pháp sau:

3.2.2.1. Phân tích theo chiều ngang:

Là việc so sánh, đối chiếu tình hình biến động cả về số tuyệt đối và số tương đối trên từng chỉ tiêu của từng báo cáo tài chính.

Phân tích theo chiều ngang các báo cáo tài chính sẽ làm nổi bật biến động của một khoản mục nào đó qua thời gian và việc phân tích này sẽ làm nổi rõ tình hình đặc điểm về lượng và tỷ lệ các khoản mục theo thời gian.

Phân tích theo thời gian giúp đánh giá khái quát tình hình biến động của các chỉ tiêu tài chính, từ đó đánh giá tình hình tài chính. Đánh giá đi từ tổng quát đến chi tiết, sau khi đánh giá ta liên kết các thông tin để đánh giá khả năng tiềm tàng và rủi ro, nhận ra những khoản mục nào có biến động cần tập trung phân tích xác định nguyên nhân.

Sử dụng phương pháp so sánh bằng số tuyệt đối hoặc bằng số tương đối:

Số tuyệt đối: $Y = Y1 - Y0$

$Y1$: Trị số của chỉ tiêu phân tích

$Y0$: Trị số của chỉ tiêu gốc

Số tương đối: $T = Y1 / Y0 * 100\%$

3.2.2.2. Phân tích xu hướng:

Xem xét xu hướng biến động qua thời gian là một biện pháp quan trọng để đánh giá các tỷ số trở nên xấu đi hay đang phát triển theo chiều hướng tốt đẹp. Phương pháp này được dùng để so sánh một sự kiện kéo dài trong nhiều năm. Đây là thông tin rất cần thiết cho người quản trị doanh nghiệp và nhà đầu tư.

3.2.2.3. Phân tích theo chiều dọc (phân tích theo qui mô chung)

Là việc sử dụng các tỷ lệ, các hệ số thể hiện mối tương quan giữa các chỉ tiêu trong từng báo cáo tài chính để rút ra kết luận.

Với báo cáo qui mô chung, từng khoản mục trên báo cáo được thể hiện bằng một tỷ lệ kết cấu so với một khoản mục được chọn làm gốc có tỷ lệ là 100%.

Sử dụng phương pháp so sánh số tương đối kết cấu (chỉ tiêu bộ phận trên chỉ tiêu tổng thể) phân tích theo chiều dọc giúp chúng ta đưa về một điều kiện so sánh, dễ dàng thấy được kết cấu của từng chỉ tiêu bộ phận so với chỉ tiêu tổng thể tăng giảm như thế nào. Từ đó đánh giá khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp.

3.2.2.4. Phân tích các chỉ số chủ yếu

Phân tích các chỉ số cho biết mối quan hệ của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về bản chất và khuynh hướng tài chính của doanh nghiệp. Sau đây là các nhóm chỉ số tài chính chủ yếu được sử dụng phân tích tài chính:

- Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính.
- Nhóm chỉ tiêu về tình hình thanh toán và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
- Nhóm chỉ tiêu về khả năng luân chuyển vốn của doanh nghiệp.
- Nhóm chỉ tiêu về tỷ số sinh lời.

3.2.2.5. Phương pháp liên hệ - cân đối

Khi tiến hành phân tích chúng ta cần chú ý đến những mối quan hệ, tính cân đối cần thiết và hữu dụng trong quản lý tài chính ở từng thời kỳ, thuyết sẽ làm cho việc phân tích tản mạn và không hữu ích.

3.3. Phương pháp phân tích báo cáo kết quả kinh doanh

3.3.1 Phương pháp chung

3.3.1.1 Phương pháp đánh giá kết quả kinh tế

a) Phương pháp phân chia các kết quả và hiện tượng kinh tế

- Mục đích :

- Giúp các nhà quản lý nhận thức được bản chất, mối quan hệ biện chứng hữu cơ giữa các bộ phận cấu thành

- Xác định được trọng điểm của công tác quản lý, từ đó đề xuất các biện pháp đúng đắn có hiệu quả cho hoạt động kinh doanh đã và đang xảy ra.

Vì vậy, phân chia các hiện tượng và kết quả kinh tế là bước đầu tiên nhà quản lý phải làm khi tiến hành công việc phân tích.

- Nội dung của phương pháp phân tích :

Tùy vào mục đích và yêu cầu của phân tích mà người ta sử dụng các tiêu thức phân chia khác nhau.

- Phân chí theo yếu tố cấu thành chỉ tiêu :

- . Nguyên vật liệu trực tiếp

- . Nhân công trực tiếp

- . Chi phí sản xuất chung

- Phân chia theo địa điểm phát sinh (Phân chia các hiện tượng, quá trình và kết quả kinh doanh theo đúng nơi chúng phát sinh, hình thành) : Phân xưởng, tổ, đội...

- Phân chí theo thời gian :

Các kết quả kinh tế bao giờ cũng là kết quả của một quá trình. Mỗi khoảng thời gian khác nhau có những nguyên nhân tác động không giống nhau. Phân chia theo thời gian là tiến hành phân chia các hiện tượng, quá trình và kết quả kinh tế theo thời gian mà nó cấu thành. Khoảng thời gian có thể là tuần

,kỳ,tháng,quý,năm(tùy theo đặc tính của quá trình kinh doanh,tùy nội dung kinh tế của các chỉ tiêu phân tích và mục đích phân tích).

b) Phương pháp so sánh

Mục đích

- Qua so sánh người ta biết được kết quả thực hiện của các mục tiêu do đơn vị đặt ra, muốn vậy cần phải so sánh số thực tế và số kế hoạch.

- Qua so sánh người ta biết được nhịp điệu phát triển của các hiện tượng và các kết quả kinh tế thông qua việc so sánh kỳ này với kỳ trước.

- Qua so sánh người ta biết được mức độ tiên tiến hay lạc hậu của từng đơn vị. Muốn vậy cần phải so sánh giữa đơn vị này với đơn vị khác có cùng một loại quy mô và so sánh kết quả của từng đơn vị với kết quả trung bình.

* Điều kiện để tiến hành so sánh

- Phải tồn tại ít nhất hai đại lượng hoặc hai chỉ tiêu.

- Các chỉ tiêu, đại lượng khi tiến hành so sánh với nhau phải có cùng nội dung kinh tế, có cùng tiêu chuẩn biểu hiện.

3.3.1.2 Phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố

3.3.1.2.1 Phương pháp thay thế liên hoàn

a) Mục đích và điều kiện áp dụng :

+) Mục đích : để xác định mức độ ảnh hưởng cụ thể của từng nhân tố đến đối tượng phân tích. Vì vậy việc đề xuất các biện pháp để phát huy điểm mạnh hoặc hạn chế khắc phục điểm yếu là rất cụ thể.

+) Điều kiện áp dụng : Các nhân tố ảnh hưởng có quan hệ tích số, thương số, tích và thương .

b) Nội dung của phương pháp thay thế liên hoàn : gồm 5 bước :

- Trước hết phải biết được số lượng các nhân tố ảnh hưởng, mối quan hệ của chúng với chỉ tiêu phân tích, xác định công thức tính các chỉ tiêu

- Cần sắp xếp các nhân tố theo một trật tự nhất định, xác định nhân tố số lượng đứng trước, nhân tố chất lượng đứng sau. Trường hợp có nhiều nhân tố số lượng cùng chịu ảnh hưởng thì nhân tố chủ yếu đứng trước, thứ yếu xếp sau, không được đảo lộn trật tự này trong suốt quá trình phân tích

- Tiến hành thay thế lần lượt từng nhân tố theo trình tự nói trên. Nhân tố nào thay thế trước sẽ được lấy giá trị thực tế của nó còn nhân tố nào chưa được thay thế sẽ giữ nguyên ở kỳ gốc hay kỳ kế hoạch; Khi thay thế xong một nhân tố phải tính được kết quả cụ thể của từng lần thay đó, lấy kết quả của từng lần thay thực tế trước sẽ tính được mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đó.

- Có bao nhiêu nhân tố thì có bấy nhiêu lần thay thế, tổng hợp ảnh hưởng của từng nhân tố phải bằng đối tượng cụ thể phân tích.

* Điều kiện áp dụng:

- Phương pháp thay thế liên hoàn chỉ áp dụng trong điều kiện các nhân tố ảnh hưởng có quan hệ tích số hoặc thương số học kết hợp cả tích số và thương số.

* Ưu điểm của phương pháp thay thế liên hoàn :

Xác định được sự ảnh hưởng của từng nhân tố .Từ đó đề xuất các biện pháp để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu là rất cụ thể.

* Nhược điểm của phương pháp thay thế liên hoàn :

- Điều kiện áp dụng nghiêm ngặt :

- Số liệu giữa các lần thay thế phụ thuộc vào nhau. Vì vậy nếu không tính được hoặc tính toán sai một lần thay thế nào đó thì sẽ ảnh hưởng tới các lần thay thế sau.

3.3.1.2.2 Phương pháp số chênh lệch

Là một dạng đơn giản của phương pháp thay thế liên hoàn, nó được sử dụng trong trường hợp các nhân tố ảnh hưởng có quan hệ tích số với chỉ tiêu phân tích. Việc thay thế để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố được thực hiện tương tự như thay thế liên hoàn. Nhân tố đứng trước được thay thế trước, nhân tố đứng sau được thay thế sau.

3.3.1.2.3 Phương pháp cân đối

Khác với phương pháp thay thế liên hoàn, phương pháp số chênh lệch thì phương pháp số cân đối được sử dụng để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố khi chúng có quan hệ tổng số với chỉ tiêu phân tích. Để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố nào đó thì cần tính số chênh lệch giữa thực tế và kế hoạch của nhân tố đó, không liên quan tới nhân tố khác.

3.3.1.2.4 Phương pháp quy hồi và tương quan

Phương pháp tương quan là quan sát mối liên hệ giữa một tiêu thức kết quả và một hoặc nhiều nguyên nhân nhưng ở dạng liên hệ thực. Còn hồi quy là một phương pháp xác định độ biến thiên của tiêu thức kết quả theo biến thiên của tiêu thức nguyên nhân. Bởi vậy, hai phương pháp này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và có thể gọi tắt là phương pháp tương quan.

3.3.1.3 Phương pháp phân tích tỷ lệ

Phương pháp phân tích tỷ lệ được áp dụng phổ biến trong phân tích tài chính vì nó dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính. Phương pháp tỷ lệ giúp các nhà phân tích khai thác có hiệu quả những số liệu và phân tích một cách có hệ thống hàng loạt tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục theo từng giai đoạn. Qua đó nguồn thông tin kinh tế và tài chính được cải tiến và cung cấp đầy đủ hơn. Từ đó cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình tính toán một số các tỷ lệ như:

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu.
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản.
- Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu.
- Tỷ suất lợi nhuận trên nguyên giá tài sản cố định.

Như vậy, phương pháp trên nhằm tăng hiệu quả phân tích. Chúng ta sử dụng kết hợp hoặc sử dụng thêm một số phương pháp bổ trợ khác như: Phương pháp liên hệ, phương pháp loại trừ nhằm tận dụng đầy đủ các ưu điểm của chúng để thực hiện mục đích nghiên cứu một cách tốt nhất.

3.3.3 Phân tích một số tỷ suất tài chính

3.3.3.1 Phân tích chỉ số hoạt động

- Vòng quay hàng tồn kho: Số vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ. Số vòng quay hàng tồn kho càng cao thì việc kinh doanh được đánh giá càng tốt, bởi lẽ doanh nghiệp chỉ đầu tư cho hàng tồn kho thấp nhưng vẫn đạt doanh số cao. Số vòng quay hàng tồn kho được xác định theo công thức :

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

- *Vòng quay các khoản phải thu* :Phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp và được xác định theo công thức :

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}}$$

- *Vòng quay vốn lưu động (hiệu quả sử dụng vốn lưu động)*

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

- *Vòng quay vốn cố định (Hiệu quả sử dụng vốn cố định)*

$$\text{Hiệu quả sử dụng vốn cố định} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn cố định bình quân}}$$

- *Vòng quay toàn bộ vốn* :Chỉ tiêu này phản ánh vốn của doanh nghiệp trong một kỳ quay được bao nhiêu vòng .Qua chỉ tiêu này ta có thể đánh giá được khả năng sử dụng tài sản của doanh nghiệp hoặc doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản mà doanh nghiệp đầu tư :

$$\text{Vòng quay toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$$

3.3.3.2 Phân tích khả năng sinh lợi.

- *Phân tích khả năng sinh lợi hoạt động*

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

- *Phân tích khả năng sinh lợi đầu tư:*

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn sử dụng} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{DT thuần}} \times \frac{\text{TD thuần}}{\text{Tổng vốn sử dụng bình quân}}$$

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn sử dụng cho biết cứ 100 đồng vốn được sử dụng trong kỳ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận cho doanh nghiệp

- *Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cố định:*

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận vốn cố định} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn cố định bình quân}}$$

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn lưu động:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

- Tỷ suất lợi nhuận trên nguyên giá tài sản cố định

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên nguyên giá TSCĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Nguyên giá TSCĐ}}$$

- Phân tích khả năng sinh lời tài chính

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn lưu động:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

- Tỷ suất lợi nhuận trên nguyên giá tài sản cố định

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên nguyên giá TSCĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Nguyên giá TSCĐ}}$$

- Phân tích khả năng sinh lời tài chính

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

3.3.4 Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dùng để so sánh lợi nhuận thực hiện với lợi nhuận kế hoạch và lợi nhuận của các năm trước. Qua đó, thấy được lợi nhuận từ các hoạt động tăng giảm như thế nào so với kế hoạch và so với các năm trước. Đánh giá tổng quát tình hình thực hiện lợi nhuận của doanh nghiệp có đạt được mức kế hoạch đặt ra hay không và xu hướng phát triển so với các

năm trước như thế nào. Đồng thời, ta cũng phải xem xét tỷ trọng về lợi nhuận của từng hoạt động trong tổng lợi nhuận chung của doanh nghiệp để có cái nhìn toàn diện hơn

CHƯƠNG II

THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH - XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH - XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Công ty Cổ phần Hàng Kênh – Chi nhánh xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh trước kia là công ty thực nghiệm, thí nghiệm đúc các tấm tường nung và cấu kiện bê tông. Khi thí nghiệm thành công, công ty được đổi tên là công trình đúc lắp. Ngày 14/2/1976, công trường đúc lắp chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Hàng Kênh-Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh có trụ sở tại 124 Nguyễn Đức Cảnh – Lê Chân - Hải Phòng. Ngày 30 tháng 1 năm 1993 Công ty Cổ phần Hàng Kênh- Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh được thành lập theo quyết định số 389/QĐ - TCCQ của UBND Thành phố Hải Phòng chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Xây dựng Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Hàng Kênh- Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản, có con dấu riêng để giao dịch, được liên doanh trong và ngoài nước. Mọi hoạt động kinh tế của công ty thực hiện theo đúng pháp luật của Nhà nước, đúng quy định của Bộ Tài chính.

Xí nghiệp Xây dựng Hàng Kênh là Xí nghiệp trực thuộc Công ty Cổ phần Hàng Kênh dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Tổng Giám đốc công ty Ông Hoàng Mạnh Thế.

Tên xí nghiệp	: Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh
Giám đốc xí nghiệp	: Ông Phạm Phương Duy
Trụ sở	: 124 Nguyễn Đức Cảnh–Lê Chân -Hải Phòng
Điện thoại	: 0313 950 815 Fax: 031. 3700440.

Mã số thuế : 0200102626.

Tài khoản : 050-4-00-00-00148

Ngân Hàng : Ngân hàng Công thương Lê Chân.

Tổng số cán bộ công nhân của toàn xí nghiệp :220 người trong có 98 kỹ sư được đào tạo trong nước và nước ngoài.Có trên 95 cử nhân tốt nghiệp các trường Đại học danh tiếng trên cả nước

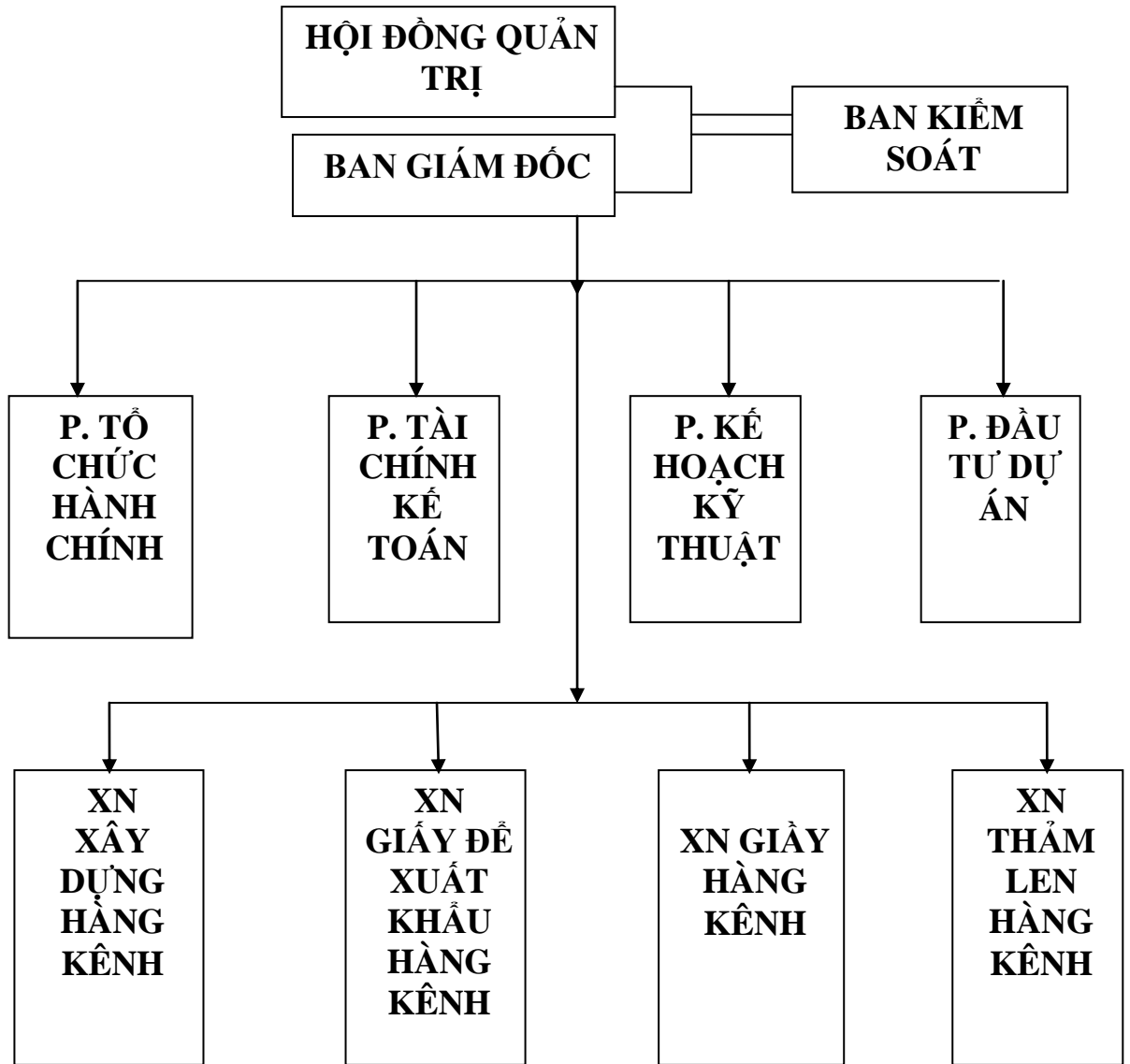
Vốn điều lệ của công ty là :16.485.632.125VNĐ

Ngành nghề kinh doanh của công ty:

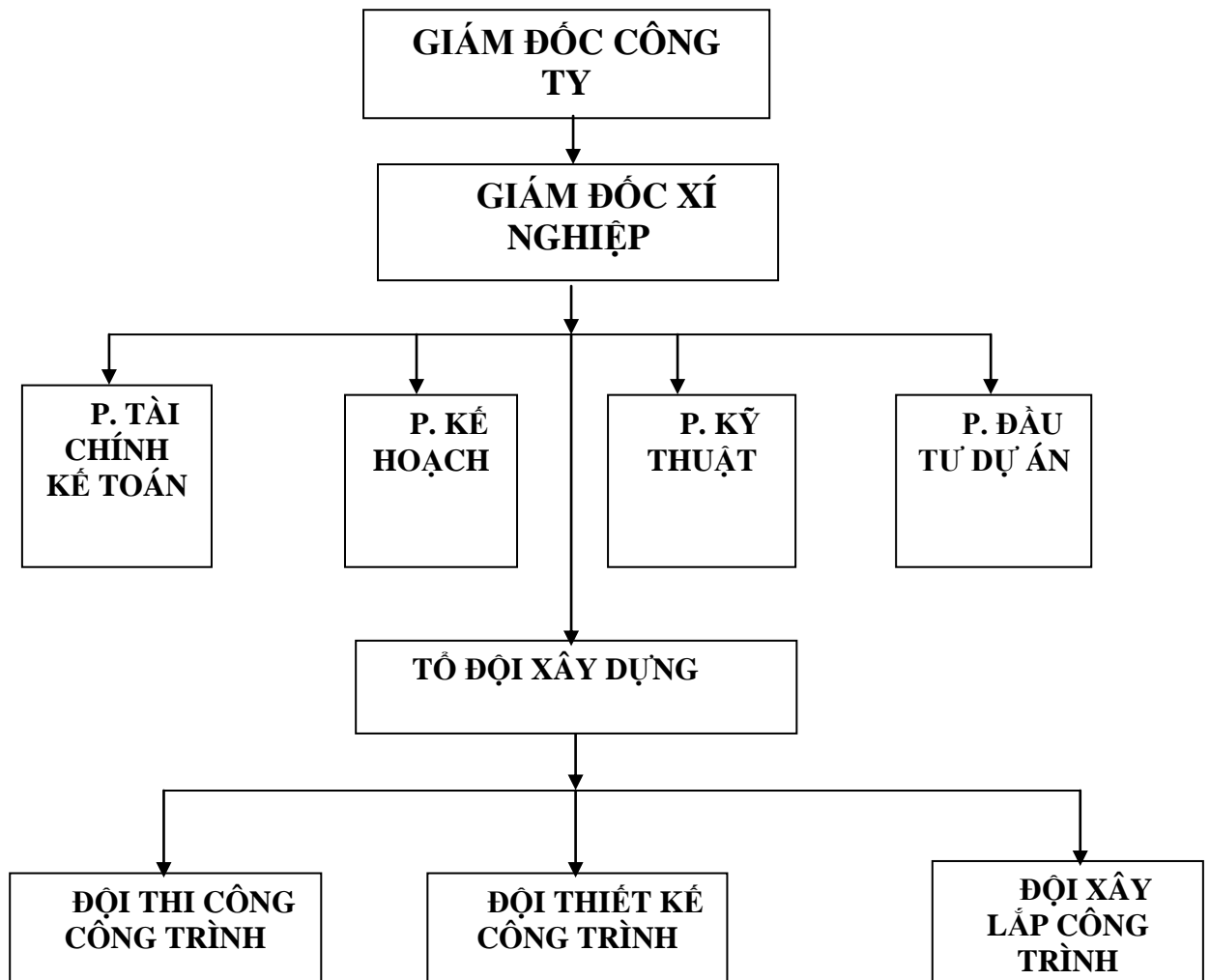
- Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, công cộng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng .
- Sản xuất bê tông thương phẩm
- Kinh doanh vật liệu xây dựng
- Kinh doanh và phát triển nhà
- Sửa chữa phương tiện thủy nội địa
- Tư vấn thiết kế các công trình.....

2. Đặc điểm tổ chức bộ máy của công ty cổ phần Hàng Kênh- Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh

2.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy của công ty



2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy tổ chức của Xí nghiệp xây dựng



2.3 Cơ cấu bộ máy quản lý và các đơn vị chức năng của công ty

+) **Hội đồng quản trị** : Là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của hội đồng cổ đông

+) **Ban giám đốc** : Là người giữ vai trò lãnh đạo chung toàn công ty, chịu trách nhiệm trước công ty, nhà nước về mọi hoạt động sx kinh doanh của công ty mình.

+) **Phòng tài vụ** : Xử lý chứng từ, lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị cung cấp những thông tin kịp thời về tình hình tài chính của công ty, tư vấn cho giám đốc điều hành hoạt động sxkd của công ty

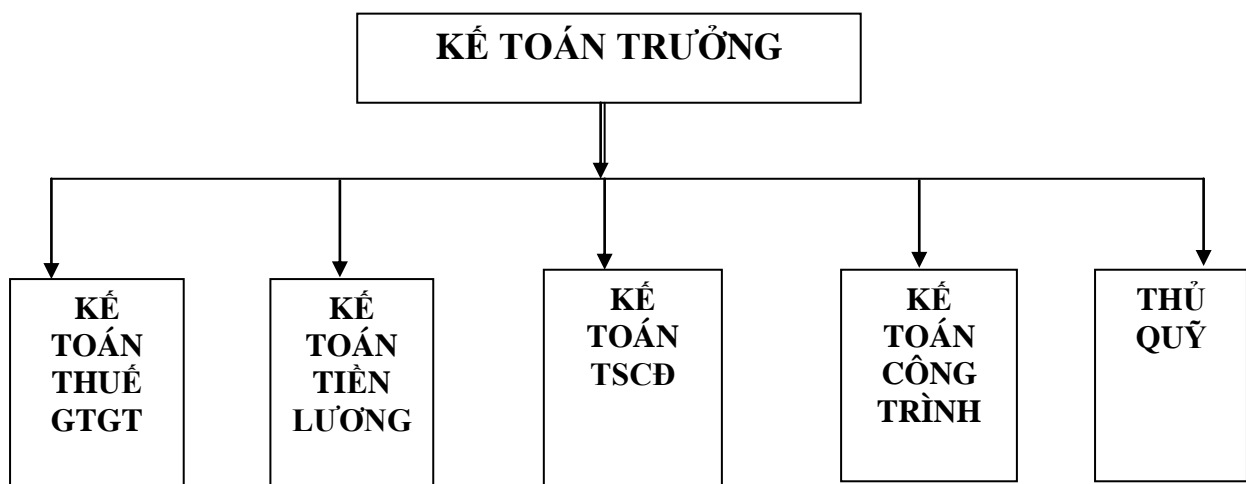
+) **Phòng tài chính có chức năng** : Tổ chức sắp xếp bố trí nhân lực các phòng ban, tuyển nhân công và làm công tác tiền lương và các chế độ cho người

lao động

+)**Phòng kế hoạch kỹ thuật** :Có nhiệm vụ đề ra và thực hiện các định mức kỹ thuật của các công trình xây.Nghiên cứu tiếp cận thị trường và các cơ quan quản lý,khách hàng nắm bắt thông tin tìm hiểu các ngành nghề mà công ty có thể tham gia để phát triển sản xuất tìm kiếm việc làm

+)**Phòng dự án đầu tư** :Có nhiệm vụ tham mưu giúp giám đốc về công tác đầu tư mở rộng sản xuất của công ty về cả chiều rộng và chiều sâu.Tham gia dự thầu các dự án,lập các dự án đầu tư cho công ty.Các dự án theo yêu cầu của chủ đầu tư và trình bày kế hoạch tiến hành triển khai các dự án đó.Tham gia thiết kế và chỉ đạo quản lý thi công các công trình nội bộ.Cập nhật thông tin,các văn bản pháp quy phục vụ cho công tác lập hồ sơ dự án đầu tư

2.4 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh



Ghi chú : \Rightarrow Mọi quan hệ quản lý và chỉ đạo

\longrightarrow Mọi quan hệ hỗ trợ công tác và chỉ đạo

- **Kế toán trưởng** : có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán của xí nghiệp được gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả. Kế toán trưởng tổ chức kiểm tra, giám sát các nghiệp vụ kinh tế, bảo quản hồ sơ tài liệu kế toán theo chế độ lưu trữ, cải tiến hình thức và phương pháp kế toán sao cho ngày càng hợp lý chặt chẽ phù hợp với điều kiện của xí nghiệp. Kế toán trưởng còn là người cung cấp những thông tin cần thiết về tình hình tài chính của doanh nghiệp cho lãnh đạo.

- **Kế toán lương** : Có nhiệm vụ theo dõi và thanh toán kịp thời tiền lương và các khoản liên quan khác cho người lao động trong xí nghiệp

- **Kế toán thuế:** Có nhiệm vụ kê khai thuế đầu ra, thuế đầu vào hàng tháng, hạch toán thuế phải nộp nhà nước

- **Kế toán TSCĐ :** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng, giảm, lập bảng phân bổ, bảng tính khấu hao của TSCĐ.

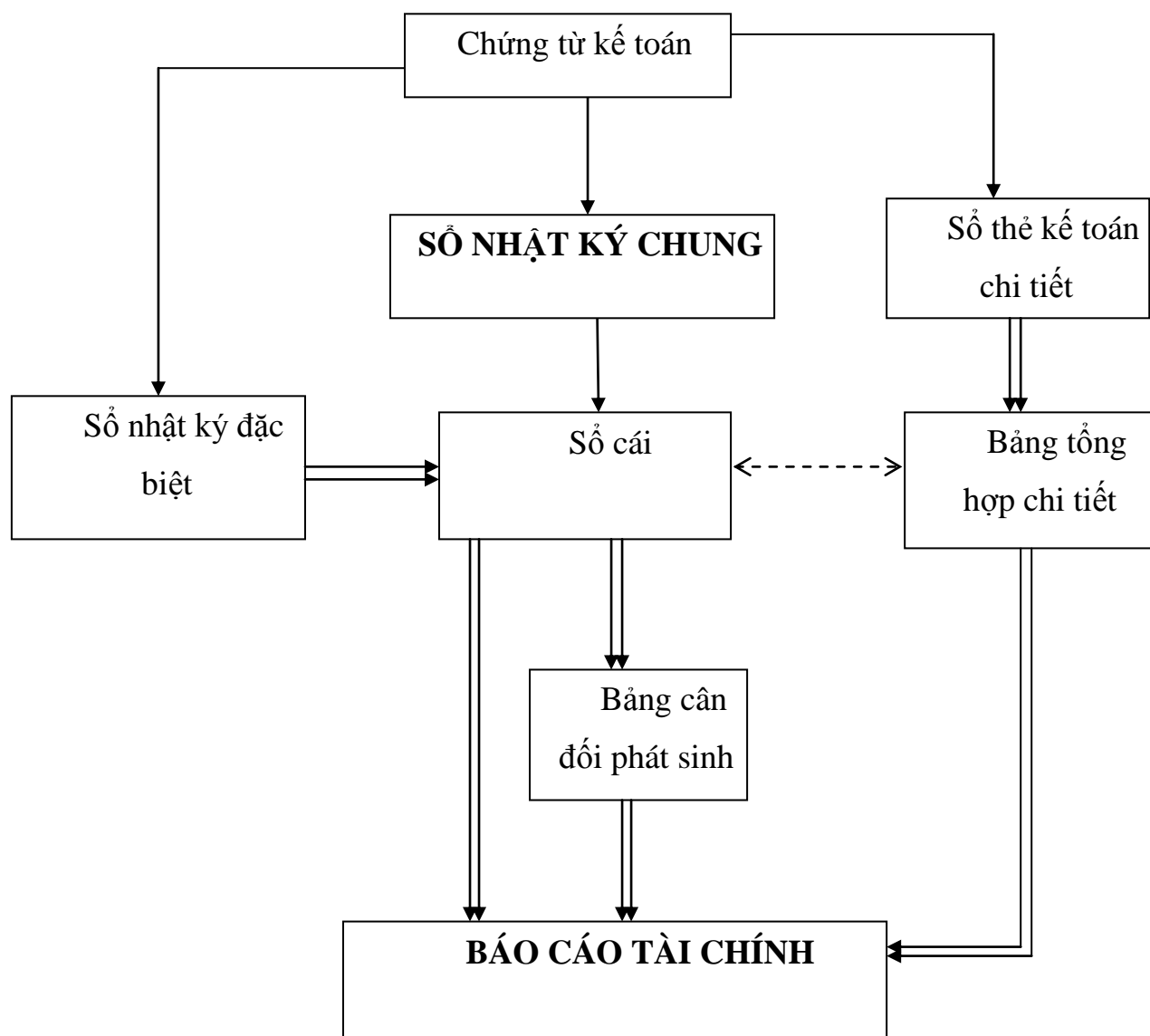
- **Kế toán công trình :** Có nhiệm vụ thực hiện theo dõi, phản ánh tập hợp các khoản chi phí phát sinh và tính giá thành các công trình mà xí nghiệp thi công.

- **Thủ quỹ:** có nhiệm vụ cấp trả tiền mặt tại chỗ và tập hợp các phiếu thu, chi, tồn quỹ tại doanh nghiệp.

2.5 Hình thức kế toán áp dụng tại xí nghiệp

Những thành tựu vượt bậc của khoa học kỹ thuật ngày nay là công cụ giúp đỡ đắc lực cho những nhà quản lý kinh tế. Hoà nhập với những thành tựu về công nghệ thông tin công ty cổ phần Hàng Kênh – xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh đã sớm đầu tư đưa phần mềm kế toán áp dụng cho công ty mình. Phòng Kế toán Tài chính có chức năng nhiệm vụ quản lý phản ánh đồng tiền với giám đốc thì hình thức kế toán của công ty được áp dụng theo hình thức “**Nhật Ký Chung**” với sơ đồ sau:

Sơ đồ : Trình tự ghi sổ kế toán theo phương pháp “ Nhật ký Chung”



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

Kiểm tra đối chiếu <- - - ->

+) **Thuyết minh sơ đồ** : Hàng ngày căn cứ vào những chứng từ đã được ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật Ký Chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi được vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật Ký Chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ Cái, lập bảng cân đối

phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các sổ thẻ kế toán chi tiết để lập báo cáo tài chính. Về nguyên tắc tổng số phát sinh nợ và bên có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và có trên sổ Nhật Ký Chung

2.6 Các chế độ và phương pháp áp dụng

Một số đặc điểm về chế độ kế toán

- Chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo áp dụng theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng bộ tài chính.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch hàng năm

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán : đồng Việt Nam.

- Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ : Áp dụng phương pháp tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng

- Xác định hàng tồn kho theo nguyên tắc giá gốc, giá xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh, phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên

Hệ thống báo cáo tài chính gồm :

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN)

II. THỰC TẾ TỔ CHỨC LẬP BCKQKD TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH – XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

Trình tự lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty



1. Một số công việc chuẩn bị trước khi lập BCKQKD tại công ty.

Tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty Cổ phần Hàng Kênh-Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh được tiến hành thông qua các bước công việc sau đây:

1.1 Kiểm tra, kiểm soát các chứng từ cập nhật

Cơ sở số liệu để lập báo cáo kết quả kinh doanh kỳ này là báo cáo kết quả kinh doanh được lập kỳ trước và hệ thống sổ kế toán của kỳ kế toán cần lập báo cáo:

Một trong những yêu cầu được xem là quan trọng nhất của thông tin phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh là tính chính xác, trung thực và khách quan. Để đáp ứng yêu cầu đó thì cơ sở số liệu để lập báo cáo kết quả kinh doanh cũng phải chính xác trung thực khách quan. Vì thế trước khi sử dụng thông tin trên

hệ thống kế toán để lập báo cáo kết quả kinh doanh công ty đã thực hiện các nghiệp vụ biện pháp cụ thể để kiểm soát thông tin trên sổ kế toán. Việc này thường được tiến hành vào cuối năm và bằng cách kiểm soát các nghiệp vụ ghi sổ kế toán có bằng chứng hay không, nghĩa là các nghiệp vụ được phản ánh trong hệ thống sổ kế toán tổng hợp và hệ thống sổ chi tiết có chứng từ hay không. Trình tự kiểm soát được tiến hành như sau:

- Sắp xếp chứng từ kế toán theo trật tự thời gian phát sinh
- Đối chiếu nội dung kinh tế, số tiền phát sinh từng chứng từ với nội dung kinh tế, số tiền của từng nghiệp vụ được phản ánh trong bảng kê.
- Kiểm soát quan hệ đối ứng tài khoản trong bảng kê chi tiết
- Đối chiếu số liệu giữa bảng kê, nhật ký chứng từ và sổ cái các tài khoản
- Đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết và sổ tổng hợp chi tiết

1.2 Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian

Vì các tài khoản trung gian thuộc loại 5,6,7,8 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ mà chỉ có số phát sinh trong kỳ nên kế toán tiến hành kết chuyển hết số phát sinh của các tài khoản này trước khi khóa sổ kế toán

1.3 Thực hiện khóa sổ kế toán tạm thời

Sau khi thực hiện kiểm soát các nghiệp vụ ghi sổ kế toán là có thực. được phản ánh đầy đủ, chính xác và kết thúc bút toán kết chuyển trung gian. Bút toán thực hiện khóa sổ kế toán để xác định số phát sinh, số dư nợ, có của mỗi tài khoản được phản ánh trên sổ sách kế toán.

1.4 Kiểm kê tài sản và sử lý kiểm kê

Để thông tin kế toán phản ánh đúng thực trạng tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, một công tác không thể thiếu được trong tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức lập báo cáo tài chính nói riêng là kiểm kê tài sản và lập biên bản xử lý kiểm kê.

Tại công ty công nghệ phẩm hải phòng, việc kiểm kê được thực hiện vào cuối năm. Ngoài ra, tại công ty còn duy chế độ kiểm kê bất thường nhằm mục đích tăng cường công tác quản lý tình hình tài chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Kết thúc quá trình kiểm kê, ban kiểm tra lập biên

bản kiểm kê gửi về phòng kế toán. Căn cứ vào biên bản kiểm kê, kế toán xử lý kiểm kê như sau:

- Trường hợp có thừa thiếu tài sản nhưng biên bản xử lý kiểm kê ghi rõ hạch toán vào kỳ báo cáo sau thì chấp nhận kết quả khóa sổ tạm thời và bảng cân đối phát sinh tạm thời được lập là kết quả chính thức.

- Trường hợp có thừa, thiếu tài sản nhưng biên bản xử lý kiểm kê ghi rõ hạch toán thừa, thiếu tài sản vào kỳ báo cáo, kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh lại số liệu theo biên bản xử lý kiểm kê sau đó lập bảng cân đối phát sinh và khóa sổ kế toán chính thức

1.5 Khóa sổ kế toán chính thức

Trường hợp khi kiểm kê có thừa thiếu tài sản và được xử lý kiểm kê ngay tại kỳ báo cáo hiện tại thì ngay khi điều chỉnh các bút toán cần thiết, kế toán tiến hành khóa sổ kế toán chính thức.

1.6 Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Việc lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty được căn cứ vào số liệu sau khi đã khóa sổ kế toán và được lập đúng nội dung, phương pháp và được trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán

1.7 Kiểm duyệt đóng dấu

Sau khi lập xong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, người lập, kế toán trưởng, thủ trưởng đơn vị (hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị) ký, đóng dấu của đơn vị

2. Thực trạng công tác kế toán lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng Kênh – Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh

Cuối niên độ sau khi khóa sổ, căn cứ vào số liệu trên sổ sách kế toán như sổ cái TK 511, 515, 632, 641, 642, 635, 821, 911, 421.... kế toán lập các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Sau đây là số liệu kế toán của công ty phục vụ cho việc lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 tại công ty

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CÁI TK 511

(Dùng cho hình thức Nhật Ký Chung)

Tên tài khoản :Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2011

ĐVT :đồng

NT GS	CT		Diễn giải	NKC		SH TKĐ U	Số tiền	
	SH	NT		TS	TTD		Nợ	Có

			Lũy kế PS đến31/10				23.464.787.629	23.464.787.629
13/11	HĐ 000112	13/11	CT bệnh viện Kiên An			131		3.153.654.891
22/11	GBC890	22/11	CT 235- Móng Cái			112		36.125.390
			<i>Cộng PS tháng 11</i>				<i>3.189.780.281</i>	<i>3.189.780.281</i>
			Lũy kế PS đến30/11				26.654.567.910	26.654.567.910
07/12	HĐ 000421	07/12	CT biến áp Hạ Lý			131		7.189.653.147
26/12	GBC891	26/12	CT Vĩnh Bảo			112		6.541.236.210
28/12	GBC892	28/12	CT Cầu Rào			112		3.563.147.890
			<i>Cộng PS tháng 12</i>				<i>17.294.037.247</i>	<i>17.294.037.247</i>
			Lũy kế PS đến31/12				43.948.605.157	43.948.605.157

Ngày....tháng ...năm2011

Người lập biểu
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên)

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÈNH
124- Nguyễn Đức Cảnh – Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CÁI TK 515

(Dùng cho hình thức Nhật Ký Chung)
Tên tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2011

ĐVT : đồng

NT GS	CT		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		TS	STTD		Nợ	Có

			Lũy kế PS đến 31/10				982.021.084	982.021.084
30/11	GBC813	30/11	Lãi tiền gửi NH Techcombank			112		8.326.055
30/11	GBC872	30/11	Lãi tiền gửi NH Á Châu			112		10.156.310
30/11	GBC915	30/11	Lãi tiền gửi NH Quân đội			112		7.326.986
			<i>Cộng PS tháng 11</i>				<i>25.809.351</i>	<i>25.809.351</i>
			Lũy kế đến 30/11				1.007.830.435	1007.830.435
31/12	GBC945	31/12	Lãi tiền gửi NH Techcombank			112		11.365.126
31/12	GBC964	31/12	Lãi tiền gửi NH Á Châu			112		9.632.136
31/12	GBC977	31/12	Lãi tiền gửi NH Quân đội			112		5.564.320
			<i>Cộng PS tháng 12</i>				<i>26.561.582</i>	<i>26.561.582</i>
			Lũy kế PS đến 31/12				1.034.392.017	1.034.392.017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng ...năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên)

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH
124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CÁI TK 632

(Dùng cho hình thức Nhật Ký Chung)

Tên tài khoản :Giá vốn hàng bán

Năm 2011

ĐVT :đồng

NTGS	CT		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		TS	STTD		Nợ	Có

25/10	PKT236	25/10	CT sửa chữa trạm y tế KA			154	725.365.310	
			Cộng PS tháng 10				1.052.362.314	1.052.362.314
			Lũy kế PS đến 31/10				22.093.507.630	22.093.507.630
13/11	PKT258	13/11	CT bệnh viện Kiến An			154	2.965.710.245	
22/11	PKT289	22/11	CT 235- Móng Cái			154	32.625.310	
			Cộng PS tháng 11				2.998.335.555	2.998.335.555
			Lũy kế PS đến 30/11				25.091.843.180	25.091.843.180
07/12	PKT321	07/12	CT biên áp Hạ Lý			154	7.152.325.140	
26/12	PKT342	26/12	CT Vĩnh Bảo			154	6.402.125.320	
28/12	PKT347	28/12	CT Cầu Rào			154	3.496.365.120	
			Cộng PS tháng 12				17.050.815.580	17.050.815.580
			Cộng lũy kế đến 31/12				41.346.658.767	41.346.658.767

Ngày....tháng ...năm2011

Người lập biểu
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên)

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH
124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CÁI TK 635

(Dùng cho hình thức Nhật Ký Chung)
Tên tài khoản : Chi phí tài chính tài chính
Năm 2011

ĐVT : đồng

NTGS	CT		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		TS	STTD		Nợ	Có

			Lũy kế PS đến 31/10				323.745.626	323.745.626
30/11	GBN112	30/11	Trả lãi vay NH Vietinbank			112	82.120.654	
30/11	GBN135	30/11	Trả lãi vay NH SHB			112	78.126.310	
			<i>Cộng PS tháng 11</i>				<i>160.246.964</i>	<i>160.246.964</i>
			Lũy kế đến 30/11				483.992.590	483.992.590
31/12	GBN236	31/12	Trả lãi vay NH Vietinbank			112	54.998.580	
31/12	GBN275	31/12	Trả lãi vay NH SHB			112	71.326.540	
			<i>Cộng PS tháng 12</i>				<i>126.325.120</i>	<i>126.325.120</i>
			Lũy kế đến 31/12				610.317.710	610.317.710

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CÁI TK 642

(Dùng cho hình thức Nhật Ký Chung)

Tên tài khoản : Chi phí tài quản lý DN

ĐVT :đồng

NT GS	CT		Diễn giải	NKC		SH TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT		TS	STTD		Nợ	Có

			Lũy kế đến 31/10				1.512.193.986	1.512.193.986
05/11	PC 938	05/11	Chi phí tiếp khách bằng TM			111	19.674.888	
16/11	GBN112	16/11	Chi phí điện nước bằng TGNH			112	35.236.100	
30/11	BPBKH 147	30/11	Trích KHTSCĐ			214	15.325.698	
30/11	BTTL 248	30/11	Trích lương T11			334	198.326.450	
			<i>Cộng PS tháng 11</i>				<i>268.563.136</i>	<i>268.563.136</i>
			Lũy kế đến ngày 30/11				1.780.757.122	1.780.757.122
07/12	GBN179	07/12	Chi phí mua NVL bằng TGNH			112	44.516.232	
20/12	GBN225	20/12	Chi phí điện nước bằng TGNH			112	20.365.987	
31/12	BPBKH250	31/12	Trích KHTSCĐ			214	15.325.698	
31/12	BTTL 285	31/12	Trích lương tháng 12			334	215.153.324	
			<i>Cộng PS tháng 12</i>				<i>295.361.241</i>	<i>295.361.241</i>
			Lũy kế đến ngày 31/12				2.076.118.363	2.076.118.363

Hải Phòng, ngày ...tháng...năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Mẫu số S03b- DNN

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH
124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CÁI TK 811

(Dùng cho hình thức Nhật Ký Chung)

Tên tài khoản : Chi phí khác

Năm 2011

ĐVT : đồng

NTGS	CT		Diễn giải	NKC		SH TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT		TS	STT D		Nợ	Có

			Lũy kế PS đến 31/10				180.304.472	180.304.472
09/11	BBTL 253	09/11	Chi phí thanh lý máy poto			211	3.124.279	
22/11	BBTL 264	22/11	Chi phí thanh lý máy lu đầm			211	9.032.701	
			<i>Cộng PS tháng 11</i>				<i>12.156.980</i>	<i>12.156.980</i>
			Lũy kế PS đến ngày 30/11				192.461.452	192.461.452
12/12	BBTL 271	12/12	Chi phí thanh lý máy điều hòa nhiệt độ			211	3.870.510	
25/12	BBTL310	25/12	Chi phí thanh lý máy đổ bê tông			211	7.365.120	
			<i>Cộng PS tháng 12</i>				<i>11.235.630</i>	<i>11.235.630</i>
			Lũy kế PS đến 31/12				203.697.082	203.697.082

HP.ngày...tháng....năm2011

Người lập biểu

(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký,họ tên)

Giám đốc

(Ký,họ tên)

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH
124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CÁI TK 711

(Dùng cho hình thức Nhật Ký Chung)

Tên tài khoản :Thu nhập khác

Năm 2011

ĐVT :đồng

NTGS	CT		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		TS	STT D		Nợ	Có

			Lũy kế PS đến 31/10				437.353.469	437.353.469
09/11	PT 752	09/11	Thu nhập từ thanh lý máy poto			111		2.760.010
22/11	PT 915	22/11	Thu nhập từ thanh lý máy lu đầm			111		7.601.200
			<i>Cộng PS tháng 11</i>				<i>10.361.210</i>	<i>10.361.210</i>
			Lũy kế PS đến 30/11				483.714.679	483.714.679
12/12	PT 948	12/12	TN từ thanh lý máy điều hòa nhiệt độ			111		1.125.910
25/12	PT 957	25/12	TN từ nhượng bán máy đồ bê tông			111		5.213.690
			<i>Cộng PS tháng 12</i>				<i>6.339.600</i>	<i>6.339.600</i>
			Lũy kế PS đến 31/12				490.054.279	490.054.279

HP.ngày...tháng...năm2011

Người lập biểu
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên)

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH
124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CÁI TK 821

(Dùng cho hình thức Nhật Ký Chung)

Tên tài khoản :Chi phí Thuế TNDN

Năm 2011

ĐVT :đồng

NTGS	CT		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		TS	STT D		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
31/12	PKT 262	31/03	Số thuế TNDN năm 2011			3334	309.064.883	
31/12	PKT 263	30/06	Kết chuyển Cp thuế TNDN			911		309.064.883
			Cộng PS				309.064.883	309.064.883
			Tồn cuối kỳ					

Hải Phòng, ngày ...tháng ...năm2011

Người lập biểu
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên)

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÈNH
124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CÁI TK 911

(Dùng cho hình thức Nhật Ký Chung)

Tên tài khoản :Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2011

NTGS	CT		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		TS	STTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
31/12	PKT 664	31/12	Kết chuyển DTBH			511		43.948.605.157
31/12	PKT665	31/12	Kết chuyển DTHĐTC			515		1.034.392.017
31/12	PKT666	31/12	Kết chuyển GVHB			632	41.346.658.757	
31/12	PKT667	31/12	Kết chuyển CP lãi vay			635	610.317.710	
31/12	PKT668	31/12	Kết chuyển CPQLDN			642	2.076.118.363	
31/12	PKT669	31/12	Kết chuyển CP khác			811	203.697.082	
31/12	PKT670	31/12	Kết chuyển TN khác			711		490.054.279
31/12	PKT671	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN			821	309.064.883	
31/12	PKT672	31/12	Kết chuyển lãi năm2011			421	927.194.648	
			Cộng phát sinh				45.473.051.440	45.473.051.440
			Số dư cuối kỳ					

Người lập biểu
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên)

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH
124- Nguyễn Đức Cảnh – Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CÁI TK 421

(Dùng cho hình thức Nhật Ký Chung)
Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2011

ĐVT : đồng

NT GS	CT		Diễn giải	NKC		SH TKĐ U	Số tiền	
	SH	NT		TS	TTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					220.125.630

31/12	PKT 672	31/12	Kết chuyển lãi năm 2011			911		927.194.648
31/12	GBN 523	31/12	Trả lãi cho cổ đông			112	212.356.970	
31/12	PKT 674	31/12	Nguồn vốn kinh doanh			411	300.000.000	
31/12	PKT 675	31/12	Quỹ đầu tư phát triển			414	102.325.640	
			Cộng PS				601.682.610	927.194.648
			Số dư cuối kỳ					545.637.668

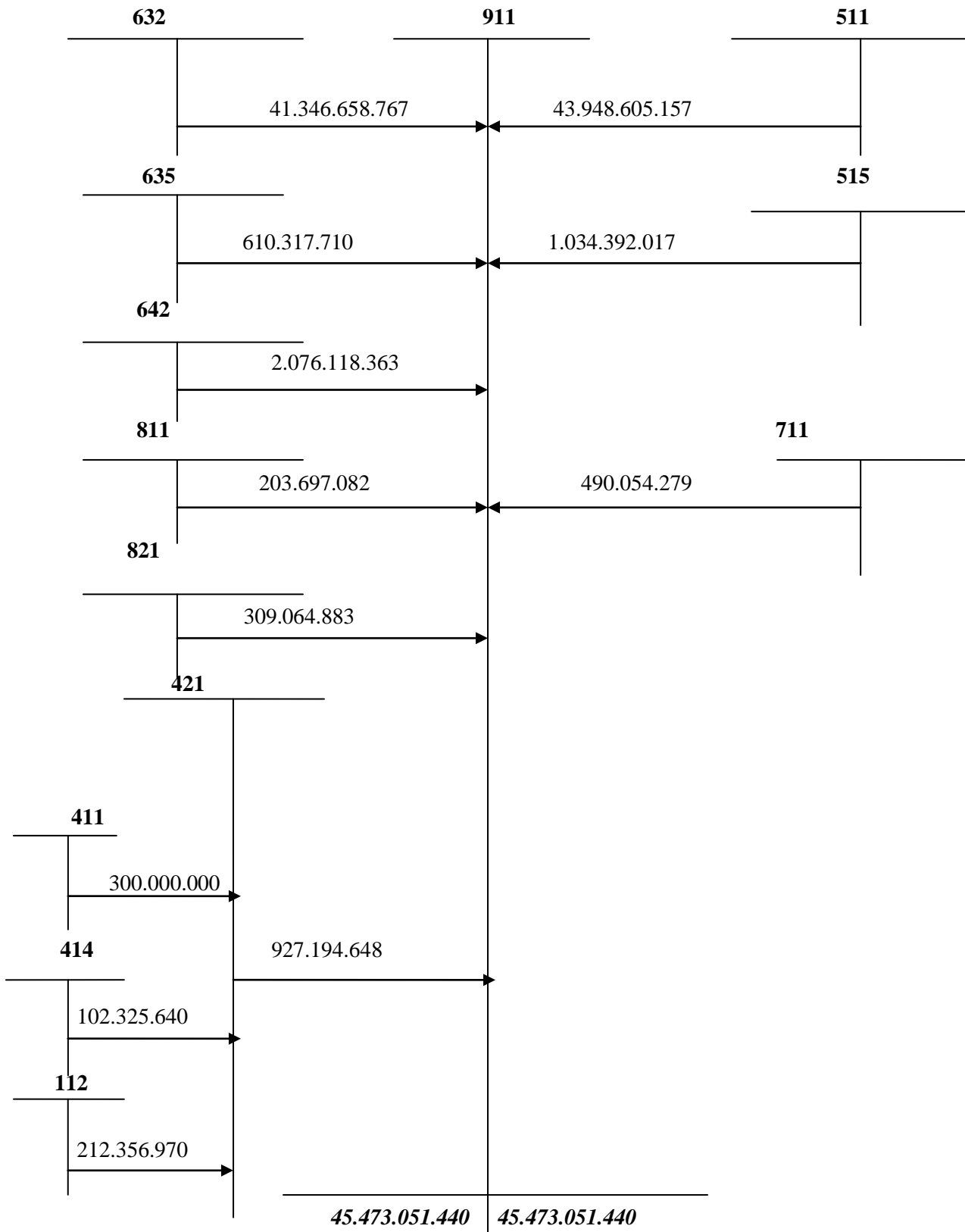
HP. ngày ...tháng..năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kết quả kết chuyển số phát sinh của TK đầu 5,6,7,8 trong năm 2011 của Công ty cổ phần Hàng Kênh –Xí nghiệp xây dựng hàng Kênh như sau :



3.Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng Kênh - Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh

3.1 Căn cứ lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 tại công ty

- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2010
- Số liệu tổng hợp tại các sổ cái tài khoản từ đầu 5 đến đầu 9 phát sinh trong năm 2011 sau khi đã đối chiếu kiểm tra

3.2 Phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Cty cổ phần Hàng Kênh-Xí nghiệp xây dựng hàng Kênh năm 2011

- Cột 1 là chỉ tiêu của báo cáo kết quả kinh doanh
- “ Mã số “ ghi ở cột 2 dùng để cộng khi lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất.
- Số liệu ghi vào cột 3 “thuyết minh “ của báo cáo này thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trong thuyết minh báo cáo tài chính năm.
- Số liệu ghi vào cột 5 “Năm trước “ của báo cáo kỳ này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo nay năm trước.
- Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu vào cột 4 “Năm nay”, như sau:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng doanh thu các công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao trong năm 2011, và của các xí nghiệp trực thuộc công ty

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số lũy kế phát sinh bên có TK 511 trên sổ cái “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK 512 “doanh thu bán hàng nội bộ” trong năm báo cáo trên sổ cái

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 43.948.605.157 đồng

2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số lũy kế phát sinh bên Có TK 531(Hàng bán bị trả lại),TK 532(Giảm giá hàng bán),TK 3332(Thuế TTBD),TK3333(Thuế xuất nhập khẩu)

Trong năm 2011 công ty không phát sinh khoản giảm trừ DT nào.

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

Lấy chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ(-) chỉ tiêu các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 10 = Mã số 01- Mã số 02)

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 43.948.605.157 đồng

43.948.605.157 - 0 = 43.948.605.157 (đồng)

4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí các công trình, hạng mục công trình, hoàn thành bàn giao đã được quyết toán. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có TK 632 “Giá vốn hàng bán “đôi ứng với bên nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên sổ cái

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 41.346.658.767 đồng

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng hoá thành phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ báo cáo.

Mã số 20 = Mã số 10 – Mã số 11

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 2.601.946.390 đồng

43.948.605.157 - 41.346.658.767 = 2.601.946.390 đồng

6. Doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21)

Chỉ tiêu này phản ánh chủ yếu số tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng phát sinh tại công ty. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ TK 515 đối ứng bên Có TK 911 trên sổ cái.

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là: 1.034.392.017 đồng

7. Chi phí tài chính (Mã số 22)

Chỉ tiêu này phản ánh chủ yếu tiền lãi vay phải trả phát sinh tại công ty trong năm. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có TK 635 đối ứng bên nợ TK 911 trên sổ cái.

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 610.317.710 đồng

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 24)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong

kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng chi phí phát sinh bên Có TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” đối ứng bên nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên sổ cái

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 2.076.118.363 đồng

9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)

Chỉ tiêu này phản ánh kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo

Mã số 30 = Mã số 20 + Mã số 21 - Mã số 22 - Mã số 24

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 949.902.334 đồng

2.601.946.390 + 1.034.392.017 - 610.317.710 - 2.076.118.363 = 949.902.334

10. Thu nhập khác (Mã số 31)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản thu nhập khác (Sau khi đã trừ thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ TK 711 “Thu nhập khác” đối ứng bên Có TL 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên sổ cái.

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 490.054.279 đồng

11. Chi phí khác (Mã số 32)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng khoản chi phí phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 811 “Chi phí khác” đối ứng bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên sổ cái

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 203.697.082 đồng

12. Lợi nhuận khác (Mã số 40)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi trừ VAT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp) với chi phí khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

Mã số 40 = Mã số 31 – Mã số 32

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 286.357.197 đồng

490.054.279 - 203.697.082 = 286.357.197 đồng

13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)

Chỉ tiêu này phản ánh số lợi nhuận kế toán thực hiện trong năm báo cáo của doanh nghiệp trước khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40}$$

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 1.236.259.531 đồng

$$949.902.334 + 286.357.197 = 1.236.259.531 \text{ đồng}$$

14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 8211 “ Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành” trên sổ kế toán chi tiết TK 8211, hoặc làm căn cứ số phát sinh bên Nợ TK 8211 đối ứng bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo, trường hợp này số kiệu này được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết TK 8211

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 309.064.883 đồng

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

Trong năm doanh nghiệp không có khoản chi phí thuế TNDN hoãn lại nào

16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thuần sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp.

$$\text{Mã số 60} = \text{Mã số 50} - (\text{Mã số 51} + \text{Mã số 52})$$

Trong năm 2011 giá trị của chỉ tiêu là : 927.194.648 đồng

$$1.236.259.531 - 309.064.883 = 927.194.648 \text{ đồng}$$

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mã số 70)

Chỉ tiêu này được hướng dẫn cách tính toán theo thông tư hướng dẫn chuẩn mực kế toán số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (2011)	Năm trước (2010)
1	2	3	4	5	6
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.08	43.948.605.157	33.686.307.556
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2			20.075.350
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		43.948.605.157	33.666.232.204
4	Giá vốn hàng bán	11		41.346.658.767	31.262.672.900
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.601.946.390	2.403.559.304
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.034.392.017	949.408.584
7	Chi phí tài chính	22		610.317.710	532.578.008
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		610.317.710	532.578.008
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		2.076.118.363	2.066.772.920
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		949.902.334	753.616.960
10	Thu nhập khác	31		490.054.279	370.417.276
11	Chi phí khác	32		203.697.082	190.119.977
12	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		286.357.197	180.297.299
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	1.236.259.531	933.914.259
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		309.064.883	261.495.993
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51)	60		927.194.648	672.418.266

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

III. THỰC TẾ TỔ CHỨC CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

Tại công ty Cổ phần Hàng Kênh -Xí nghiệp Xây Dựng Hàng Kênh đã tiến hành phân tích báo cáo kết quả kinh doanh thông qua việc phân tích và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính trong năm hoạt động kinh doanh

1. Ý nghĩa của việc phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của công ty

- Kết quả sản xuất kinh doanh là mục tiêu hoạt động kinh doanh của công ty của từng thời kỳ , từng giai đoạn. Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh là lý do tồn tại và phát triển của công ty trên thương trường kinh doanh. Hoàn thành vượt mức kế hoạch hay không hoàn thành kế hoạch công ty đề ra đề phải xem xét đánh giá , phân tích nhằm tìm ra các nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty.

- Một kế hoạch kinh doanh cho dù khoa học và chặt chẽ như thế nào chăng nữa so với thực tế đã và đang diễn ra vẫn chỉ là 1 dự kiến. Thông qua thực tế kiểm nghiệm sẽ có nhiều điều cần bổ sung hoàn thiện để lập kế hoạch cho năm tiếp theo.

Phân tích kết quả kinh doanh còn giúp lãnh đạo công ty có những thông tin cần thiết để đưa ra những quyết định sửa chữa, điều hành kịp thời nhằm đạt được mục tiêu mong muốn trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh. Vì vậy công ty rất chú trọng công tác lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh

2. Các bước thực hiện phân tích đánh giá tình hình thực hiện tài chính trong năm 2011

- Thu nhập các thông tin , số liệu đã và đang diễn ra về các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- So sánh doanh thu, lợi nhuận thực hiện được với kế hoạch, qua đó đánh giá tổng quát tình hình thực hiện doanh thu, lợi nhuận có đạt được mức kế hoạch đề ra hay không?

- So sánh các tỷ suất sinh lời giữa thực hiện với kế hoạch.

- Phân tích các nguyên nhân đã và đang ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến

tình hình kế hoạch.

- Cung cấp tài liệu phân tích kết quả sản xuất kinh doanh, các dự báo tình hình kinh doanh sắp tới của công ty cho lãnh đạo và bộ phận quản lý.

Sau đây là bảng phân tích tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2011 tại công ty:

BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước (2010)	Năm nay (2011)	So sánh NN với NT	
				Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
<i>Doanh thu (DT)</i>	Đồng	32.400.081.580	43.948.605.157	11.548.523.577	35.64%
<i>Lợi nhuận(LN)</i>	Đồng	672.418.266	927.194.648	254.776.382	37.8%
<i>Tổng vốn kinh doanh (T)</i>	Đồng	39.579.154.406	31.706.642.198	(7.872.512.208)	(19.9%)
<i>Vốn CSH bình quân (C)</i>	Đồng	3.603.060.000	4.583.350.146	980.290.146	27.02%
<i>Nguyên giá TSCĐ (NG)</i>	Đồng	3.831.174.606	4.604.548.607	773.374.001	20.2%
<i>Tỷ suất doanh lợi doanh thu(LN/DT*100%)</i>	%	2.07%	2.1%	0.03%	
<i>Tỷ suất doanh lợi tổng vốn (LN/T)*100</i>	%	0.75%	2.56%	1.81%	
<i>Tỷ suất doanh lợi vốn CSH(LN/C)*100</i>	%	8.2%	17.7%	9.5%	
<i>Tỷ suất doanh lợi NGTSCĐ(LN/NG)*100</i>	%	7.75%	17.6%	9.85%	

Qua bảng phân tích trên chúng ta thấy :

- Doanh thu năm 2011 tăng so với năm 2010 là : 11.548.523.577 đồng tương ứng với 35.64% so với năm 2010. Lợi nhuận của công ty trong năm 2011 đạt 927.194.648 đồng tăng so với năm 2010 là 254.776.382 đồng tương ứng với 37.8%. Nguyên nhân của việc tăng cao lợi nhuận là do chi phí phát sinh trong năm 2010 giảm, công ty đã có những chính sách hợp lý trong việc sử dụng chi phí. Đây là ưu điểm của công ty trong công tác quản lý chi phí đã tiết kiệm được NVL trực tiếp khi thi công các công trình, hạng mục công trình mà vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đồng thời DN cũng đã tạo được niềm tin cho khách hàng nên đã nhận được nhiều hợp đồng có giá trị cao như công trình nhà điều hành sản xuất chi nhánh điện An Dương.

- Tổng vốn kinh doanh của công ty năm 2011 giảm so với năm 2010 là : 7.872.512.208 đồng, tương đương với 19.9%. Nhưng do lợi nhuận tăng cao do đó tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn vẫn tăng 1.81%. Tuy tổng vốn giảm do giảm nợ ngắn hạn nhưng đây là điều đáng mừng cho công ty do công ty làm ăn có hiệu quả nên giảm bớt được gánh nặng nợ nần trong năm 2011. Điều này cho thấy cứ 100 đồng vốn bỏ ra sử dụng sẽ cho 2.56 đồng lợi nhuận. Chúng tôi trong năm 2011 tuy thị trường có nhiều biến động giá cả tăng cao nhưng với chiến lược kinh doanh đúng đắn công ty vẫn đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

- Vốn CSH năm 2011 tăng so với năm 2010 là : 980.290.146 đồng tương ứng với 27.02% nhưng tốc độ tăng của vốn CSH chậm hơn tốc độ tăng của lợi nhuận. Điều này làm cho doanh lợi vốn chủ sở hữu tăng 9.5%. Đây là điều tốt cho doanh nghiệp nên trong thời gian tới DN nên phát huy hơn nữa.

- Nguyên giá TSCĐ năm 2011 tăng so với năm 2010 là 773.374.001 đồng tương ứng với 20.2%. Sự tăng lên của nguyên giá TSCĐ là do trong năm 2011 công ty đã mua thêm 01 chiếc máy trộn bê tông. TSCĐ được đầu tư tăng cao, lãi suất tiền vay tăng mạnh làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty, do đầu tư mua sắm TSCĐ một phần lớn là đầu tư từ vốn vay nên 100 đồng TSCĐ chỉ cho 17.6 đồng lợi nhuận. Có được điều này là do sự cố gắng lớn của cán bộ trong công ty

Như vậy, trong năm 2011 Công ty đã làm ăn có hiệu quả mặc dù trong năm

2010 thị trường có nhiều biến động lớn như : Lạm phát tăng cao, giá cả thị trường thay đổi thất thường, lãi suất ngân hàng cao nhưng do sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên trong công ty và sự tính toán trước mọi tình huống của lãnh đạo Công ty giúp cho Công ty có thể khắc phục được những khó khăn trên

CHƯƠNG III

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH – XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

I. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BCKQKD TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH – XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

1. Một số nhận xét chung về công tác kế toán tại Công ty cổ phần Hàng Kênh-Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh

1.1.Những ưu điểm

- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn tạo điều kiện cho người lao động: học hỏi nâng cao tay nghề , phát huy tính sáng tạo và tinh thần tập thể, chính sự thống nhất trong công tác quản lý giữa các phòng ban trong Công ty cũng như các phần hành kế toán trong bộ máy kế toán đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của ban lãnh đạo, tạo cho Công ty có được môi trường làm việc lành mạnh.

- Việc tổ chức hạch toán đã đáp ứng được yêu cầu của Công ty đề ra như đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế đảm bảo trung thực hợp lý rõ ràng. Hiện nay Công ty đang trang bị thêm phương tiện hỗ trợ như trang bị máy vi tính cho cán bộ nhân viên phòng kế toán tài chính để nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên kế toán tiếp cận nhanh với các nguồn thông tin giúp cho công tác kế toán của Công ty đã giảm bớt tính phức tạp cũng như khối lượng công việc kế toán

- Bộ phận kế toán tại Công ty tổ chức hoạt động dưới hình thức Nhật Ký Chung mà Công ty đang áp dụng. Đội ngũ kế toán là những người có kinh nghiệm am hiểu nghiệp vụ nhiệt tình trong công việc. Công ty tổ chức cho nhân viên kế toán tham gia các lớp bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn

- Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường

xuyên là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh và quy mô của Công ty. Mặc khác kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên giúp cho Công ty quản lý dễ dàng và chính xác hơn.

- Nhìn chung việc sử dụng các tài khoản kế toán tại Công ty được nhân viên kế toán về cơ bản áp dụng đúng chế độ quy định. Việc vận dụng linh hoạt chế độ sổ kế toán vào việc xác định các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, bảng báo cáo kết quả kinh doanh được lập theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC của bộ tài chính ban hành ngày 14/09/2006.

- Về công tác lập báo cáo kết quả kinh doanh: Nhận thức vai trò quan trọng của phân tích tài chính nói chung và bảng báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng lãnh đạo Công ty, phòng kế toán bước đầu đã tiến hành phân tích báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty được tiến hành đều đặn hàng năm thường vào cuối năm và doanh nghiệp đã tiến hành phân tích các chỉ tiêu sau:

+ Tỷ số về khả năng thanh toán gồm tỷ số thanh toán tổng quát, tỷ số thanh toán hiện hành, tỷ số thanh toán nhanh đã đo lường được khả năng thanh toán của Công ty từ đó góp phần giúp nhà lãnh đạo có biện pháp điều chỉnh phù hợp nhằm đáp ứng tốt nhất khả năng thanh toán của Công ty mà vẫn sử dụng có hiệu quả tài sản của mình.

+ Tỷ số về khả năng sinh lời gồm: Tỷ số lợi nhuận trên doanh thu, tỷ số sinh lời trên tài sản và tỷ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu cho thấy cứ 100 đồng doanh thu thì tạo được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế nhằm thấy được khả năng tiết kiệm chi phí của Công ty

1.2 Những hạn chế

- Hình thức kế toán Nhật Ký Chung tuy là hình thức phù hợp với quy mô, đặc điểm DN nhưng thực sự chưa phù hợp với điều kiện cơ giới hóa công tác hạch toán vì kết cấu mẫu sổ phức tạp, hệ thống sổ sách còn công kênh, đòi hỏi cán bộ phải có chuyên môn vững vàng.

- Công việc kế toán vừa được tiến hành bằng hệ thống máy tính, vừa viết tay nên đôi khi còn trùng lặp ở một số khâu. Việc ghi sổ sách bị dồn vào cuối tháng nên không tránh khỏi sai sót. Một số sổ theo dõi chi tiết các tài khoản

như :133,214,338...vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu khi cần đối chiếu với các sổ tổng hợp.Một số tài khoản chưa được hạch toán theo dõi chi tiết theo từng đối tượng

2.Nhận xét về tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng Kênh- Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh

2.1 Ưu điểm

- Công việc chuẩn bị trước khi lập được tiến hành đầy đủ.Việc lập và trình bày các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty được tuân thủ theo đúng yêu cầu và chuẩn mực kế toán quy định theo quyết định 48/2006 của BTBTC ban hành ngày 14/09/2006

- Trong quá trình lập,kế toán viên luôn quan tâm,đối chiếu, kiểm tra số liệu kế toán trên các chứng từ gốc,và sổ sách có liên quan

- Sau khi lập báo cáo kết quả kinh doanh,kế toán trưởng đồng thời tiến hành công việc kiểm tra các khoản mục trong báo cáo, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh,kiểm tra các bước trong quá trình lập xem đã đầy đủ,chính xác hay chưa.Cuối cùng trình cho giám đốc xem xét,kiểm tra lần cuối và đóng dấu ký duyệt

2.2.Những hạn chế

- Hiện nay công ty có nhiều những chi nhánh,xí nghiệp,trực thuộc khắp thành phố Hải Phòng.Kế Toán các chi nhánh và xí nghiệp sẽ tiến hành gửi sổ lên văn phòng công ty và kế toan tại công ty sẽ tiến hành tổng hợp và lập nên báo cáo tài chính.Điều này khiến cho việc kiểm tra,kiểm soát số liệu còn gặp nhiều khó khăn,việc lập kế toán còn phụ thuộc vào kế toán tại các xí nghiệp

- Hiện nay công ty có nhiều lĩnh vực sxkd mà doanh thu các khoản này công ty chưa mở sổ chi tiết để theo dõi

- Chứng từ sổ sách theo dõi các hoạt động đầu tư tài chính và đầu tư khác còn rất sơ sài,chưa đáp ứng được việc theo dõi và phân tích các khoản này

- Hiện nay việc ghi số liệu các sổ,kế toán tại công ty thường không ghi đủ các mục cần thiết theo quy định của BTC (số hiệu,trang sổ ,chứng từ, số thứ tự dòng..)

- Công ty chưa áp dụng phân mềm kế toán máy dễ dàng cho việc hạch toán, đối chiếu, kiểm tra sổ sách

- Công ty chưa hạch toán các khoản DT nội bộ vào TK 512 mà vẫn ghi nhận nó vào TK 511 (DT bán hàng và cung cấp dịch vụ)

3. Nhận xét về tổ chức phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng Kênh – Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh

3.1 Những ưu điểm

Khi tiến hành phân tích công ty cũng đã nêu ra được mức độ chênh lệch tuyệt đối và tương đối của các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, công ty đã tiến hành phân tích dựa trên các tỷ suất và chỉ tiêu tài chính đồng thời so sánh các chỉ tiêu thông qua các năm tài chính để thấy được mức biến động cụ thể và rút ra được kết luận tổng quan về tình hình tài chính của công ty trong năm báo cáo

3.2 Những hạn chế

- Nguồn cung cấp số liệu phân tích chưa kịp thời và độ tin cậy chưa cao. Chuẩn bị phân tích mới chỉ dừng lại ở việc sử dụng số liệu của Công ty để phân tích chưa sử dụng số liệu của ngành, chính vì vậy chưa đưa ra được những dự báo về DT, chi phí của những năm tiếp theo

- Việc phân tích mới chỉ tiến hành khi có yêu cầu của ban giám đốc, do đó không mang tính thường xuyên. Kết quả của việc phân tích cũng chưa được sử dụng một cách hợp lý để phát huy hiệu quả của việc phân tích

- Nội dung phân tích mới chỉ dừng lại ở một số chỉ tiêu trong báo cáo kết quả kinh doanh, ngoài chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận chưa đề cập đến khả năng thanh toán lãi vay và một số chỉ tiêu về hoạt động của công ty

- Đội ngũ phân tích còn yếu, chưa mạnh cả về số lượng, chất lượng và chuyên môn, mặc dù công ty cũng đã tạo điều kiện cho cán bộ được nâng cao nghiệp vụ nhưng chưa chú trọng phân tích. Vì vậy công tác phân tích còn sơ sài và chưa hoàn thiện

II. NHỮNG KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

Trong thời gian thực tập tìm hiểu về công tác kế toán các phần hành nói chung cũng như tổ chức công tác lập và phân tích BCKQHĐKD nói riêng tại Công ty cổ phần Hàng Kênh. Em nhận thấy có một vài vấn đề vẫn còn tồn tại cần phải khắc phục. Dưới góc độ một sinh viên thực tập em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty như sau :

2.1 Công tác kế toán tại công ty

- Công ty nên tổ chức kiểm kê tài sản, mua sắm, sửa chữa tài sản phải được kiểm soát chặt chẽ, giảm bớt chi phí tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Phòng kinh doanh cần phải đôn đốc thu hồi công nợ, giúp cho vòng quay vốn nhanh hơn, việc sản xuất kinh doanh sẽ được đảm bảo về nguồn vốn để phát triển nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung , kế toán doanh thu chi phí xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần phải đáp ứng các nhu cầu sau :

+) Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều có một cơ chế tài chính nhất định và xây dựng một hệ thống kế toán phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

+) Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của DN, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh. Các DN bắt buộc phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của từng DN nhằm mang lại hiệu quả cao nhất

+) Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý

+) Hoàn thiện phải trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của DN là kinh doanh có lãi và hiệu quả .

Về quản lý nguyên vật liệu, chi phí thu mua và chi phí khác cần quản lý tốt hơn nữa để tiết kiệm và giảm chi phí tăng lợi nhuận.

Công ty nên hạch toán chi phí thành toán tiền hàng vào chi phí quản lý DN để tiện cho việc theo dõi kiểm tra

Lập các sổ chi tiết cho từng hoạt động thương mại và vận tải, doanh thu chi phí cho từng hoạt động để tiện cho việc theo dõi, kiểm tra

2.2 Hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp

Qua thực tế phân tích tình hình tài chính của công ty, có thể thấy công ty có cơ chế quản lý hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán chặt chẽ, cùng với những quy định về báo cáo thực trạng kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của công ty theo định kỳ với cơ quan chủ quản

Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán, mọi sổ sách kế toán đều được lưu trữ trong máy nên đòi hỏi các kế toán phụ trách từng phần hành phải phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Có như vậy kế toán tổng hợp mới có thể lập được BCTC một cách trung thực, phản ánh một cách chính xác tình hình tài chính của công ty

Công ty chú trọng công tác đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, trang bị thêm phương tiện hỗ trợ cho cán bộ nhân viên phòng Tài Chính- Kế Toán

Đặc biệt khi có sự thay đổi về chuẩn mực kế toán, các thông tư sửa đổi hay sự ra đời của luật kế toán mới công ty đều cử cán bộ nhân viên đi học tập rồi phổ biến cho các nhân viên kế toán còn lại nhằm điều chỉnh việc hạch toán cũng như sửa đổi bổ sung các phần hành trong sổ sách kế toán cho phù hợp với chế độ kế toán mới.

Tuy vậy, để đảm bảo cho công tác kế toán cho hiệu quả hơn, đòi hỏi từng phần hành phải hạch toán vào sổ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tránh tình trạng dồn công việc đến cuối tháng, cuối kỳ sẽ dẫn đến thiếu và không chính xác tình hình tài chính của công ty. Mặt khác để đảm bảo hệ thống quản lý tài chính kế toán có chất lượng và có thể hòa nhập với nền kinh tế thì công ty cần

trang bị thêm những kiến thức về hệ thống kế toán quốc tế cũng như chuẩn mực kiểm toán trong nước và trên thế giới cho đội ngũ nhân viên kế toán của công ty

2.3 Về lập báo cáo kết quả kinh doanh

Xác định chi phí quản lý doanh nghiệp tách biệt để tiện theo dõi và phân tích

Việc lập báo cáo tài chính cuối kỳ sản xuất kinh doanh là điều bắt buộc, tuy nhiên công ty nên lập báo cáo tài chính hàng quý để phục vụ cho việc quản trị doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty buôn bán vật liệu xây dựng và nhận thầu các công trình xây dựng. Báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý sẽ giúp cho công ty định hướng được kế hoạch gia tăng lợi nhuận.

Công việc sử lý các số liệu kế toán do kế toán các phân hành thực hiện. Nhiệm vụ của kế toán trưởng là tổng hợp so sánh số liệu giữa sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết và chuẩn bị cho việc lập báo cáo kết quả kinh doanh theo chuẩn mực kế toán hiện hành.

2.4 Về phân tích báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tài chính là một công việc có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản trị doanh nghiệp. Nó không chỉ có ý nghĩa với bản thân mà còn cần thiết với các chủ đề kinh tế khác. Phân tích tài chính giúp cho quản trị công ty đề ra được những giải pháp hữu hiệu nhằm đưa ra được những giải pháp tối ưu để mở rộng hoạt động sxkd, khắc phục những thiếu sót, phát huy mặt tích cực và dự đoán tình hình phát triển công ty trong tương lai.

Việc phân tích tài chính trong nội bộ công ty là rất cần thiết, phân tích tài chính giúp cho công ty nắm được thực trạng kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn của mình, khắc phục những tồn tại khó khăn

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư phát triển mở rộng kinh doanh tiến tới sản xuất. Vì vậy, công ty nên tiến hành phân tích phục vụ tốt hơn cho nhà quản trị từ đó dự đoán và lập kế hoạch cho tương lai.

Tình hình khả năng thanh toán của DN phản ánh rõ nét công tác tài chính. Nếu hoạt động tài chính tốt sẽ ít công nợ khả năng thanh toán dồi dào, ít đi chiếm dụng vốn và ít bị chiếm dụng vốn. Ngược lại hoạt động tài chính kém sẽ dẫn đến tình trạng chiếm dụng vốn của nhau, các khoản công nợ phải thu phải trả

kéo dài. Khi nguồn bù đắp cho tài sản dự trữ thiếu doanh nghiệp phải đi chiếm dụng vốn và ngược lại. Nếu phần vốn đi chiếm dụng nhiều hơn phần vốn bị chiếm dụng thì doanh nghiệp có thêm phần vốn để đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh và ngược lại. Những khoản đi chiếm dụng hợp lý là những khoản đang trong hạn trả, những khoản tiền đó chưa đến hạn thanh toán. Những khoản bị chiếm dụng hợp lý là những khoản tiền bán chịu cho khách hàng đang nằm trong thời hạn thanh toán.

Để thấy rõ tình hình tài chính của công ty trong tương lai, phân tích tài chính giúp cho doanh nghiệp thấy được nhu cầu và khả năng thanh toán của công ty. Khi phân tích phải dựa vào tài liệu hạch toán có liên quan để sắp xếp các chỉ tiêu theo một trình tự nhất định, trình tự này phải thể hiện được nhu cầu thanh toán ngay cũng như khả năng huy động để thanh toán ngay và huy động trong thời gian tới.

Vì vậy công ty nên tiến hành phân tích báo cáo tài chính nói chung báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng để phục vụ tốt nhất cho yêu cầu quản lý giúp nhà quản lý DN và người sử dụng thông tin tài chính có nhận thức chính xác, trung thực khách quan về thực trạng tài chính, khả năng sinh lời, hiệu quả quản lý kinh doanh, triển vọng cũng như rủi ro của DN

Công ty cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu thông tin kết toán phân tích tình hình tài chính phù hợp với những đặc điểm kinh tế - kỹ thuật - tài chính. Hơn nữa qua việc đánh giá phân tích cần kiến nghị những giải pháp tăng cường hoạt động tài chính của DN

III. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH - XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

Để giúp cho quá trình lập báo cáo tài chính được diễn ra một cách suôn sẻ với những chứng từ và phương pháp lập đầy đủ. Em xin được đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống sổ kế toán như sau :

3.1 Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty Cổ phần Hàng Kênh – Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán nói chung và trong công tác lập BCTC nói riêng sẽ thực sự đạt hiệu quả khi có một hệ thống sổ sách phù hợp với quy mô và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Từ đó công tác kế toán mới có thể cung cấp thông tin một cách chính xác và nhanh chóng, giúp ban lãnh đạo nắm được tình hình hoạt động của công ty một cách đầy đủ và dễ dàng. Một hệ thống sổ sách đầy đủ là một hệ thống bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và hệ thống sổ chi tiết. Tuy nhiên khi sử dụng sổ sách để lập nên báo cáo kết quả kinh doanh em nhận thấy công ty mới chỉ sử dụng hệ thống sổ tổng hợp. Để hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty em nhận thấy công ty nên mở sổ chi tiết để tiện theo dõi cho từng khoản mục chi phí, từng khoản mục công trình

Dưới đây là mẫu sổ chi tiết bán hàng và mẫu bảng tổng hợp chi tiết bán hàng :

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÈNH

124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa ,dịch vụ,bất động sản đầu tư):...

Năm:....

Quyển số:...

NGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			Cộng số PS						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Người ghi sổ
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

STT	Tên hàng hóa,thành phẩm,dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Thành tiền
	Cộng			

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ

(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký,họ tên)

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ, ngoài các chứng từ công ty đã lập như Sổ Nhật Ký Chung, Sổ Cái, kế toán ghi chép các nghiệp vụ PS có liên quan đến bán hàng vào sổ chi tiết bán hàng

Nghiệp vụ phát sinh có liên quan đến mặt hàng nào sẽ được phản ánh vào sổ chi tiết bán hàng của mặt hàng đó

Cuối tháng, số liệu của các mặt hàng trên sổ chi tiết bán hàng được tổng hợp vào bảng tổng hợp chi tiết bán hàng

Ví dụ minh họa : Ngày 15/09/2011 Công ty Cổ phần Hàng Kênh bán cho công ty thương mại Hoa Mai 1250 tấn xi măng PC 40, giá vốn 1.102.365.400 đồng, tổng số tiền đã thanh toán (bao gồm cả thuế GTGT 10%) là 1.409.375.000 đồng

Kế toán định khoản như sau:

Nợ 632 : 1.102.365.400

Có 155 : 1.102.365.400

Nợ 112 : 1.409.375.000

Có 511 : 1.281.250.000

Có 3331 : 128.125.000

Căn cứ vào hóa đơn kế toán phản ánh vào sổ chi tiết bán hàng, cuối tháng vào bảng tổng hợp chi tiết

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH 124-

Mẫu số S03b- DNN Ban hành theo quyết định số

Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa ,dịch vụ,bất động sản đầu tư):...

NGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			Phát sinh trong quý 4						
								
15/09	HĐ000122	15/09	Bán hàng cho công ty TNHH Hoa Mai	112	1250	1.025.000	1.281.250.000		
			Cộng số PS						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Người ghi sổ

(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký,họ tên)

3.2 Hoàn thiện kế toán chi phí tại công ty Cổ phần Hàng Kênh Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh

Đối với kế toán chi phí công ty nên mở “Sổ chi phí sản xuất kinh doanh” chi tiết theo từng khoản chi phí. Hiện tại công ty chỉ lập sổ cái cho các tài khoản chi phí 642,632... Như vậy thì không thể theo dõi được từng yếu tố chi phí chi tiết từng khoản chi, điều đó gây nên khó khăn cho việc quản lý.

Đối với TK 632 – Giá vốn hàng bán, công ty nên mở sổ chi phí sxkd cho từng mặt hàng, qua đó có thể biết được giá vốn của từng loại mặt hàng, để từ đó có thể biết được lợi nhuận mà mỗi mặt hàng đem lại

Đối với TK 642 – Chi phí QLDN Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất, kinh doanh theo dõi chi tiết cho từng yếu tố chi phí. Cụ thể như sau:

TK642 – Chi phí bán hàng, sẽ chia ra thành các khoản như sau:

TK64211: Chi phí nhân viên

TK64212: Chi phí vật liệu, bao bì

TK64213: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK64214: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK64215: Chi phí bảo hành

TK64217: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK64218: Chi phí khác bằng tiền

TK 6422 – “ Chi phí QLDN” sẽ chia ra thành các TK như sau:

TK 64221: Chi phí nhân viên quản lý

TK64222: Chi phí vật liệu quản lý

TK64223: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK64224: Chi phí KHTSCĐ

TK64225: Thuế, phí, lệ phí

TK64226: Chi phí dự phòng

TK64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK64228 : Chi phí khác bằng tiền

Dưới đây là mẫu sổ chi phí sản xuất, kinh doanh:

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

Mẫu số S03b- DNN

124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006

của bộ Trưởng -BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621,622,623,627,154,631,642,142,242,335,632)

Tên TK: ...

Tên phân xưởng:...

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Ghi nợ TK			
	SH	NT			Chia ra			
				
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
			Cộng PS trong kỳ					
			Ghi có TK					
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ, ngoài các chứng từ công ty đã lập như Sổ Nhật Ký Chung, Sổ Cái, kế toán ghi chép các nghiệp vụ PS có liên quan đến bán hàng, đơn công trình, hạng mục công trình vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến giá vốn mặt hàng nào sẽ được phản ánh vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh của mặt hàng đó

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp như: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định.... sẽ được ghi tương ứng với các cột chi phí đã chia ra trong sổ chi phí sản xuất kinh doanh của TK 6422

Ví dụ minh họa: Ngày 31/12/2011 Công ty cổ phần Hàng Kênh xuất công cụ dụng cụ cho phòng kế toán tại công ty. Tổng số tiền là 325.000 VNĐ

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 642 : 325.000

Có TK152 : 325.000

Kế toán lập phiếu xuất kho, căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán phản ánh các nghiệp vụ vào sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH
124- Nguyễn Đức Cảnh – Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XẤT KINH DOANH

Tài khoản : 6422

Năm 2011

NGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng tiền	Ghi nợ TK6422			
	SH	NT				Chia ra			
						64221	64222	64223
			Số phát sinh trong quý 4						
								
31/12	PX132	31/12	Xuất CCDC cho phòng kế toán	153	325.000			325.000	
31/12	BPBTL121	31/12	Phân bổ lương tháng 12	334	126.563.210	126.563.210			
								
			Cộng PS trong kỳ						
			Ghi có TK						
			Số dư cuối kỳ						

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

3.3 Hoàn thiện kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty

Trong nền kinh tế thị trường càng phát triển, thuế TNDN là một khoản chi phí đóng góp vào ngân sách nhà nước rất lớn. Thông qua khoản thuế TNDN mà ta có thể biết được trong năm qua doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả hay không

Tại công ty cổ phần Hàng Kênh xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh, dựa vào sổ cái TK821 ta thấy trong năm 2011 số thuế TNDN mà công ty phải nộp là 309.064.883 đồng, tuy nhiên cách lập sổ kế toán tại công ty chưa phản ánh được số thuế TNDN mà công đã nộp và số thuế TNDN mà công ty còn nộp thêm. Xét trên một góc độ nào đó thì công ty có thể đã nộp thừa hoặc nộp thiếu một khoản thuế TNDN. Sau đây em xin đưa ra những kiến nghị của em về việc lập sổ cái TK 821, để qua đó có thể phản ánh rõ nét hơn số thuế mà DN phải nộp

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH
124- Nguyễn Đức Cảnh –Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ Trưởng -BTC

SỔ CÁI TK 821

(Dùng cho hình thức Nhật Ký Chung)

Tên tài khoản : Chi phí Thuế TNDN

Năm 2011

ĐVT : đồng

NTGS	CT		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT		TS	STTD		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
31/03	PKT 262	31/03	Số thuế TNDN tạm tính quý I/2011			3334	69.364.254	
30/06	PKT 463	30/06	Số thuế TNDN tạm tính quý II/2011			3334	71.236.987	
30/09	PKT 768	30/09	Số thuế TNDN tạm tính quý III/2011			3334	75.698.125	
31/12	PKT 874	31/12	Điều chỉnh số TNDN cả năm			3334	92.765.517	
31/12	PKT 879	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN			911		309.064.883
			Cộng PS				309.064.883	309.064.883
			Tồn cuối kỳ					

Hải Phòng, ngày ...tháng ...năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

3.4 Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty Cổ phần Hàng Kênh Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh

Khối lượng công việc kế toán tại công ty cổ phần Hàng Kênh xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh khá lớn, tuy nhiên công tác kế toán vẫn còn thực hiện một cách máy móc, thủ công. Mặc dù phòng tài chính kế toán của công ty cũng đã được trang bị máy tính một cách đầy đủ nhưng kế toán mới chỉ áp dụng phần mềm Microsoft Excel. Công ty nên xem xét đến việc mua phần mềm kế toán mới phục cho công tác lập BCTC tại công ty

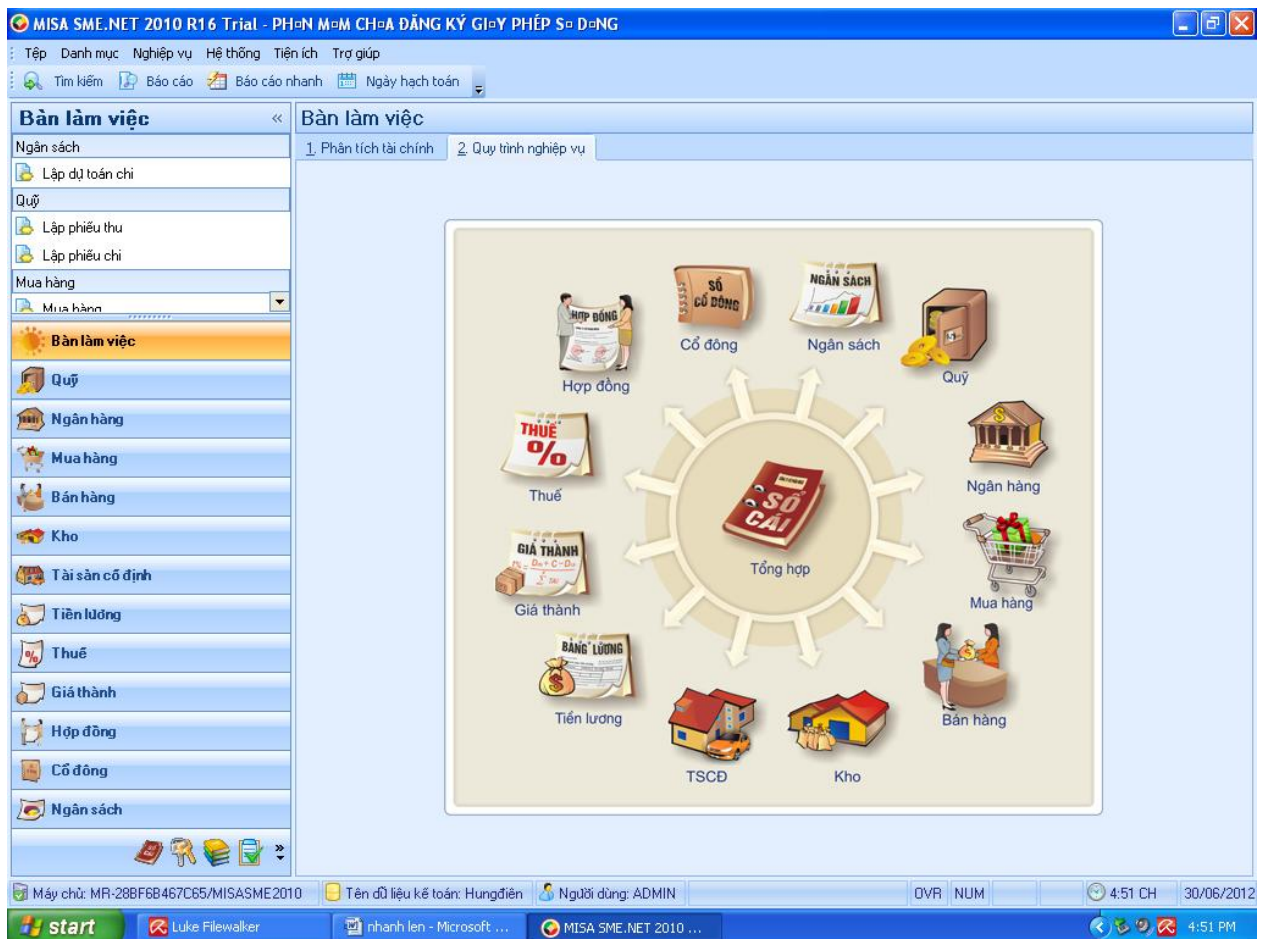
Hiện nay em nhận thấy có khá nhiều phần mềm kế toán đang được sử dụng tại các công ty, các DN vừa và nhỏ như: phần mềm kế toán MISA, SASINNOVA...

Phổ biến nhất là phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA, MISA có nhiều phiên bản. Đối với DN thì MISA SME.NET 2012 là sản phẩm phù hợp. Sản phẩm này được phát triển trên nền tảng của công nghệ hiện đại, có hàng loạt những tính năng ưu việt giúp cho quá trình thành lập, ghi chép sổ sách diễn ra an toàn và thuận tiện

Phần mềm kế toán MISA có nhiều phân hệ, phần mềm này còn hỗ trợ việc DN tự tạo mẫu, phát hành, in và sử dụng hóa đơn theo nghị định 51/2010/NĐ-CP. Nó có thể đáp ứng 3 hình thức hóa đơn: Hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in, hóa đơn điện tử, nó có thể quản lý được số hóa đơn cháy, hỏng, mất...

Với nhiều những chức năng và ứng dụng của nó có thể giúp công ty trong quá trình lập chứng từ phục vụ cho việc lập BCTC.

Đây là giao diện phần mềm kế toán MISA

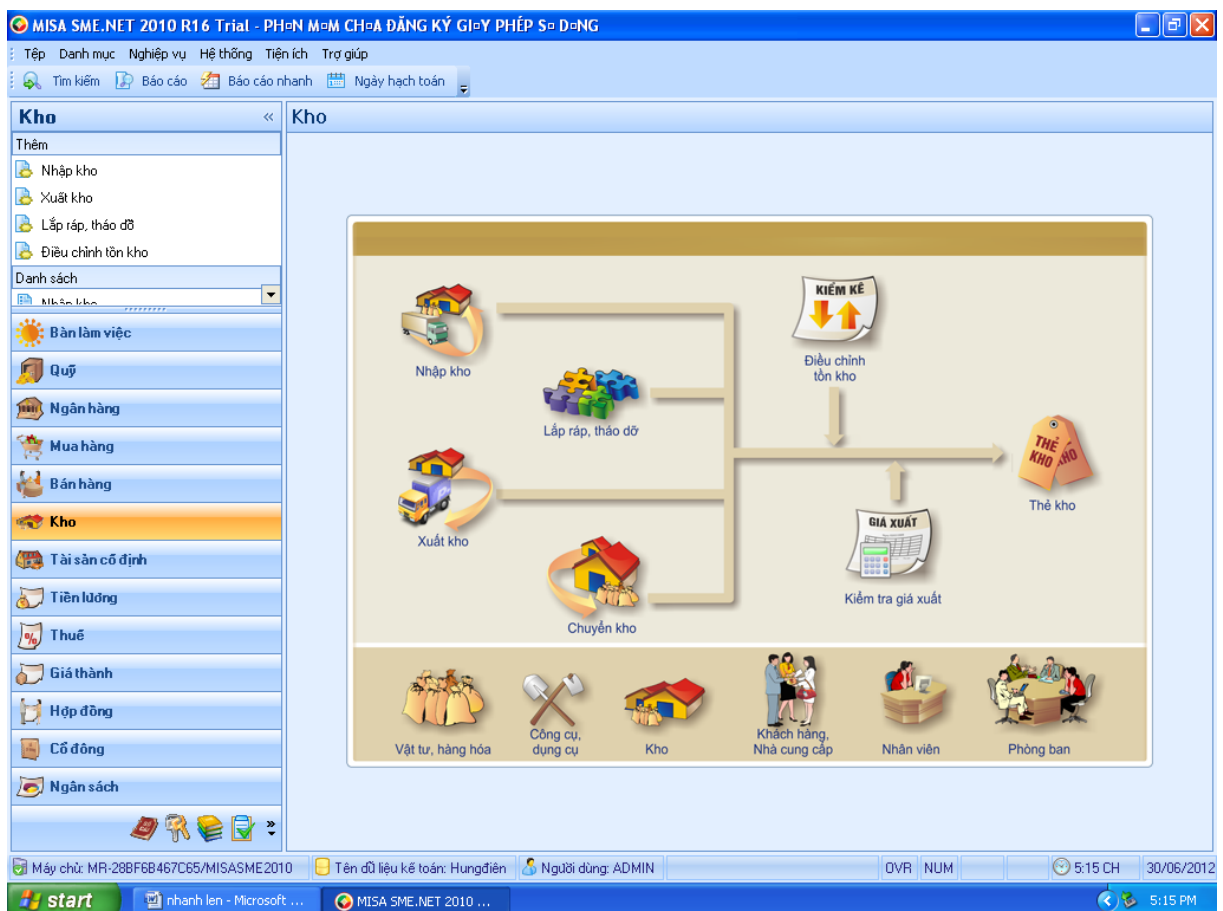


Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, tại bất cứ nơi nào thông qua Internet

Công ty cũng có thể cân nhắc phần mềm kế toán như SAS INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam. Hiện nay, SAS INNOVA có sản phẩm mới là SAS INNOVA 2012 OPEN. SAS INNOVA 2012 OPEN ra mắt vào 02/06/2012, không những kế thừa những tính năng nổi trội của những phiên bản phần mềm kế toán trước đây mà còn phát triển nhiều tính năng mới xuất phát từ yêu cầu đòi hỏi của người kế toán và nhà quản trị doanh nghiệp trong xử lý công việc thực tế hàng ngày

Sau khi cập nhật phần mềm lớn tất cả các lỗi phiên bản trước, phiên bản

này có nhiều tính năng ưu việt như : Thiết kế đơn giản theo từng nghiệp vụ , để sử dụng có hướng dẫn bằng Multi – Media.Đưa vào trợ giúp quy trình mẫu,kiến thức thuế,tài chính ,kế toán,các quy chế nội bộ.Tính giá thành định mức hoàn hảo.Tích hợp mã vạch 2 chiều để in tờ khai thuế,cho phép copy chứng từ trên tất cả các phiếu .Cho phép thao tác các nghiệp vụ trên tất cả các phiếu.Quản lý số liệu theo nhiều đơn vị,nhiều xí nghiệp thành viên,nhiều mảng hoạt động .Quản lý số liệu theo nhiều năm làm việc,cho phép xem số liệu liên năm (đặc biệt trong các công trình xây dựng,các dây chuyền sản xuất).Theo dõi nhiều đơn vị tính của hàng hóa ,vật tư,cho phép tự động quy đổi đơn vị tính.Thêm nhiều trường tự do để người dùng tự định nghĩa mà không cần nhà sản xuất phải chỉnh sửa.Bổ sung thêm trạng thái của chứng từ nhằm mềm dẻo quá trình quản lý,gảm các khâu công việc chồng chéo,theo dõi được tình trạng sử lý của công việc,phản ánh chính xác tình trạng công việc



Phần mềm kế toán SAS INNOVA 2012 OPEN phân quyền chương trình đến từng chức năng,từng thao tác của người sử dụng.Hoàn thiện việc theo dõi dấu vết của người sử dụng ,làm rõ trách nhiệm trong công việc.Cho phép khấu

trừ lùi thuế ,tiện ích cho người sử dụng có thể tính thuế xuôi hoặc ngược ..Phần mềm này có thể hỗ trợ được các loại hình thức sổ kế toán và cũng khá phù hợp với công ty cổ phần Hàng Kênh

Ngoài hai phần mềm kế toán trên,còn có phần mềm kế toán EFFECT hoạt động cũng tương đối hiệu quả

IV. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH-XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH

Thực trạng phân tích tài chính tại Công ty cổ phần Hàng Kênh xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh hiện nay được kiểm nghiệm bởi bộ phận tài chính kế toán. Nhân viên phân tích tài chính là những người có liên quan đến việc thu thập và phân tích những thông tin tài chính, phân tích xu hướng và đưa ra các dự báo kinh tế. Tuy nhiên tại Công ty và các doanh nghiệp hiện nay đều coi nhẹ việc này.

Công việc phân tích của nhân viên tài chính và vô cùng quan trọng vì các đề xuất của họ hỗ trợ Công ty trong việc đưa ra các quyết định. Điều đó đòi hỏi nhân viên phân tích phải nghiên cứu và tìm hiểu nhiều mới có thể nắm bắt được các thông tin liên quan, các vấn đề pháp luật, biến động thị trường, các tình hình hoạt động được đăng tải trên tạp trí tài chính, sách báo... vì vậy, với tình hình hiện nay, Công ty nên chú trọng các vấn đề như sau:

- Cần có sự tách bạch giữa phòng tài chính và phòng kế toán, chọn lọc những nhân viên cho bộ phận tài chính phải có trình độ cơ bản về tài chính và có kinh nghiệm thâm niên trong công tác tài chính của Công ty.
- Không ngừng đào tạo các bộ phận chuyên trách thông qua các khoá huấn luyện của bộ tài chính, trung tâm giáo dục của các trường đại học chuyên ngành, kịp thời tiếp cận những thay đổi chính sách kế toán và những chuẩn mực kế toán mới.
- Bổ sung những kiến thức về pháp luật và chính sách tài chính thông qua các thông tin trên báo, công báo, các trang Web liên quan.
- Khuyến khích tìm hiểu thông tin kinh tế trong nước và ngoài nước

từ mọi nguồn đăng tải. Có thể cử hoặc tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá học ngắn, dài hạn tại các nước trên thế giới về kiến thức quản lý và tài chính doanh nghiệp hiện đại.

- Tin học hoá đội ngũ nhân viên tài chính, thường xuyên cử họ đi các hội thảo chuyên ngành ..

Tuy nhiên để thực hiện những yêu cầu này cần nỗ lực từ phía Công ty. Công ty vẫn thực hiện nghiêm túc công tác kế toán và kiểm toán theo chế độ kế toán mới ban hành, những chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt nam và hệ thống pháp luật về kinh tế. Để có được những thông tin kế toán có giá trị thì Công ty nên có những biện pháp kiểm tra bằng chính nội bộ hoặc kiểm toán. Mặt khác, để Công ty hoà nhập với quá trình phát triển của nền kinh tế, bắt kịp với sự thay đổi của đất nước, công tác kế toán phải tuân thủ theo chế độ kế toán mới và những chuẩn mực kế toán Việt nam. Bên cạnh đó cần chú trọng thực hiện các vấn đề sau:

+ Thứ nhất: Bổ sung những báo cáo ngoài hệ thống báo cáo tài chính bắt buộc của bộ tài chính để phục vụ luồng thông tin đầy đủ cho công tác phân tích. Như vậy phân tích báo cáo thu nhập rất quan trọng và được sử dụng trong hầu hết phân tích tài chính dùng cho những quyết định về cơ cấu vốn, sử dụng vốn, các quyết định về đầu tư và sử dụng đòn bẩy... mà hiện nay Công ty không sử dụng, sự hiểu biết của họ về báo cáo thu nhập và các chỉ tiêu trong báo cáo là chưa rõ ràng. Do vậy, Công ty nên đưa báo cáo thu nhập vào hệ thống báo cáo quản trị.

+ Thứ hai: Nâng cao trình độ và phẩm chất của cán bộ quản lý. Tất cả các quyết định về kinh doanh tài chính của Công ty đều từ cán bộ quản lý. Do vậy, trình độ năng lực và đạo đức của họ quyết định sự hoạt động có hiệu quả của Công ty, hiệu quả hoạt động tài chính và công tác phân tích tài chính Công ty.

+ Thứ ba: Nâng cao trình độ nhân viên chuyên trách, thường xuyên trao đổi thông tin bên ngoài về kinh tế, tài chính, thị trường qua các trang Web hoặc hình thức khác.

Để khắc phục điều này, Công ty cần phải thực hiện công tác phân tích tài

chính một cách sâu sắc thường xuyên và liên tục hơn. Quá trình phân tích này Công ty nên giao cho những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thực hiện, để có một kết quả chính xác nhất về tình hình tài chính của Công ty. Từ đó đưa ra các biện pháp, kiến nghị phù hợp nhằm khắc phục những khó khăn gặp phải đồng thời phát huy những thành tựu mà Công ty đã đạt được việc phân tích được chính xác và kịp thời Công ty nên áp dụng các bước sau:

Bước 1: Khâu chuẩn bị phân tích

Phải có mục tiêu phân tích rõ ràng bởi các mục tiêu khác nhau thì việc phân tích cũng khác nhau

- Tiến hành thu thập tài liệu liên quan một cách đầy đủ. Tài liệu phục vụ việc phân tích phải đảm bảo đầy đủ, chính xác trung thực. Những tài liệu này không chỉ lấy ở trong năm mà phải lấy ở các năm trước vì như thế việc phân tích mới mang tính thuyết phục. Bên cạnh đó doanh nghiệp cần phải sưu tầm thêm số liệu của các doanh nghiệp khác, số liệu trung bình ngành. Từ đó doanh nghiệp có thể thấy rõ hơn tình hình tài chính và hoạt động của bản thân doanh nghiệp mình so với mặt bằng chung. Từ đó có những biện pháp đối chiếu phù hợp.

Bước 2: Tiến hành phân tích

Trên cơ sở mục tiêu và số liệu đã có bộ phận tài chính tiến hành xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu phân tích, tuy nhiên hệ thống các chỉ tiêu này không nên quá quá nhiều nhằm giảm bớt thời gian tính toán, việc phân tích chú trọng đến chiều sâu, đồng thời các chỉ tiêu cần phải bám sát mục tiêu phân tích, chú trọng đến các chỉ tiêu có sự biến đổi rõ rệt và những chỉ tiêu quan trọng, sau khi tính toán xác định các hệ thống chỉ tiêu ta tiến hành lập bảng tiêu đề cho các chỉ tiêu, phải đảm bảo bám sát tình hình thực tế của công ty và các chỉ tiêu phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau

Bước 3: lập báo cáo phân tích

Báo cáo phân tích là bảng tổng hợp và kết quả tính toán và phân tích các chỉ tiêu tài chính. Thông thường các báo cáo tài chính gồm 2 phần :

Phần 1: Đánh giá về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của công ty trong kỳ kinh doanh thông qua các chỉ tiêu cụ thể. Đặt các chỉ tiêu trong mối

quan hệ tương phản giữa các mặt của quá trình sản xuất kinh doanh. Qua phân tích đánh giá những điểm mạnh điểm yếu cũng như tiềm năng của từng mặt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Phần 2: Đề ra những phương hướng giải pháp cụ thể cho việc nâng cao chất lượng kết quả kinh doanh của công ty. Cần nêu bật được những phương hướng đổi mới trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp. Các bước đi trong giai đoạn tiếp theo cần phải được cụ thể hoá thành những giải pháp hay những luận chứng kinh tế trong báo cáo phân tích tài chính nói trên.

4.1. Phân tích tổng quát tình hình tài chính của công ty trong các năm gần đây

Trước khi đi phân tích từng chỉ tiêu tài chính của công ty chúng ta sẽ xem qua khái quát về sự biến động tình hình tài chính của công ty các năm gần đây. Đầu tiên là tỷ lệ các chỉ tiêu so với doanh thu thuần trong các năm vừa qua để qua đó có thể thấy được các biến động của tỷ lệ doanh thu chi phí so với doanh thu thuần qua các năm

CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2010	NĂM 2011	SO VỚI DTT(%)			NĂM 2010 SO VỚI 2009		NĂM 2011 SO VỚI 2010	
				2009	2010	2011	ST	%	ST	%
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.712.652.352	33.686.307.556	43.948.605.157	100	100	100	7.973.655.200	31	10.262.297.600	31
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	-	20.075.352								
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dvu	25.712.652.352	33.666.232.204	43.948.605.157	100	100	100	7.953.579.850	31	10.203.859.140	30.3
4.Giá vốn hàng bán	23.808.832.375	31.262.672.900	41.346.658.767	92.6	92.8	94.2	7.453.840.530	31.3	10.083.985.860	32
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.903.819.977	2.403.559.304	2.601.946.390	7.4	7.1	5.7	499.739.327	3326.2	619.612.598	26
6.Doanh thu hoạt động tài chính	819.594.164	949.408.584	1.034.392.017	3.2	2.8	2.3	129.814.420	16	84.983.433	8.8
7.Chi phí tài chính	461.652.201	532.578.008	610.317.710	1.8	1.6	1.3	70.925.807	15.3	77.739.702	14.5
-Trong đó: Chi phí lãi vay	461.652.210	532.578.008	610.317.710	1.8	1.6	1.3	70.925.807	15.3	77.739.702	14.5
8.Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.796.182.548	2.066.772.920	2.076.118.363	6.9	6.1	4.7	270.590.372	15	9.345.443	0.45
9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	465.579.392	753.616.960	949.902.334	1.8	2.2	1.9	288.037.568	62	405.809.127	53.7
10.Thu nhập khác	295.377.905	370.417.276	490.054.279	1.1	1.1	1.1	74.769.371	25	119.637.003	32
11.Chi phí khác	116.020.101	190.119.977	203.697.082	0.45	0.56	0.46	74.099.876	63	13.577.105	7.1
12.Lợi nhuận khác	179.357.804	180.297.299	286.357.197	0.69	0.53	0.65	939.495	0.52	106.059.898	58
13.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	644.937.196	933.914.259	1.236.259.531	2.5	2.7	2.6	288.977.063	45	223.831.457	24
14.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	180.582.415	261.495.993	309.064.883	0.7	0.77	0.78	80.913.578	44	81.879.577	31
15.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	464.354.781	672.418.266	927.194.648	1.8	1.9	1.8	208.063.485	45	141.951.880	21

Để có 100 đồng doanh thu thuần trong năm 2009 công ty phải bỏ ra 92.6 đồng giá vốn hàng bán và 6.9 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp. Nhưng đến năm 2010 để có 100 đồng doanh thu thuần công ty phải bỏ ra 92.8 đồng giá vốn hàng bán, 6.1 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp. Và đến năm 2011 để có 100 đồng doanh thu thuần, doanh nghiệp phải bỏ ra 94.2 đồng giá vốn hàng bán, 4.7 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp. Như vậy để đạt được 100 đồng doanh thu thuần trong mỗi năm thì giá vốn hàng bán năm 2009 đến năm 2010 tăng dần, năm 2011 giảm hơn nhưng đều chiếm hơn 90% chi phí bỏ ra, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng nhưng phần doanh thu tăng khá nhiều, điều đó là do năm 2011 do khung hoảng kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, do đó doanh nghiệp phải tăng chi phí quản lý doanh nghiệp lên để đảm bảo doanh thu được ổn định và duy trì tăng.

Cứ 100 đồng doanh thu thuần trong năm 2009 thì đem lại 7.4 đồng lợi nhuận gộp và đến năm 2010 thì đem lại 7.1 đồng lợi nhuận gộp, năm 2011 thì đem lại 5.7 đồng lợi nhuận gộp. Trong năm 2010 do công ty đã bỏ vốn vào các ngành nghề kinh doanh mới nhưng chưa thu được doanh thu hoặc doanh thu còn thấp dẫn đến tốc độ tăng giá vốn hàng bán lớn hơn tốc độ tăng doanh thu và do đó làm giảm tốc độ tăng lợi nhuận. Nhưng đến năm 2011 doanh thu từ hoạt động kinh doanh này tăng nên dẫn đến tốc độ tăng của doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng của giá vốn, tốc độ tăng lợi nhuận cao hơn so với năm 2010.

4.2.. Đánh giá sơ bộ kết cấu chi phí và kết quả thông qua các hoạt động

Đánh giá sơ bộ kết cấu chi phí và kết quả thông qua các hoạt động: là việc so sánh các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận của các loại hoạt động (hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh khác). Qua đó cho thấy được hoạt động nào sẽ đem lại hiệu quả kinh doanh của công ty mình, đưa ra quyết định nên đầu tư vào lĩnh vực nào để lợi nhuận cao nhất. Sau đây là bảng đánh giá sơ bộ kết cấu chi phí, doanh thu, lợi nhuận của công ty trong năm 2011:

Bảng đánh giá sơ bộ kết cấu chi phí, doanh thu, lợi nhuận năm 2011

Hoạt động	Doanh thu		Chi phí		Lợi nhuận	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Hoạt động KD	43.948.605.157	98%	43.422.777.120	97%	525.828.030	43%
Hoạt động tài chính	1.034.392.017	1.5%	610.317.710	1.3%	424.074.307	34%
Hoạt động khác	490.054.279	0.5%	203.697.082	0.46%	286.357.197	23%
Tổng cộng	45.473.051.450	100%	44.236.791.910	100%	1.236.259.540	100%

Tại hầu hết các doanh nghiệp thì doanh thu từ hoạt động kinh doanh luôn chiếm tỷ trọng lớn, Công ty cổ phần Hàng Kênh không nằm ngoài quy luật này. Trong năm 2011, doanh thu từ hoạt động kinh doanh của công ty chiếm 98% trong khi doanh thu từ hoạt động tài chính chỉ chiếm 1.5% và doanh thu từ hoạt động khác chỉ chiếm 0.5%. Tương ứng với nó là các chi phí, trong đó chi phí cho hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn 97%, chi phí cho hoạt động tài chính chiếm 1.3% và chi phí cho hoạt động khác là 0,46%. Mặc dù chi phí cho hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn nhưng lợi nhuận của nó mang lại không nhỏ là 43% trong tổng lợi nhuận của 3 hoạt động mang lại. Trong khi đó hoạt động khác mang lại 23% , hoạt động tài chính 34%. Như vậy trong ba hoạt động trên thì hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Nhưng điểm đặc biệt nhận thấy ở đây là trong sản xuất kinh doanh, công ty chỉ trú trọng đến hoạt động kinh doanh đơn thuần mà chưa có những hướng đi mới trong quá trình đầu tư. Doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là các khoản thu từ tiền lãi ngân hàng trong khi chi phí của công ty là rất lớn. Điều này tồn tại ở công ty là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Công ty còn thiếu vốn, chưa đáp ứng đầy đủ vốn cho mọi nhu cầu hoạt động kinh doanh của công ty.
- Nhận thức về hoạt động đầu tư tài chính đối với công ty hiện nay còn hạn chế. Bởi vậy quản trị công ty thiếu năng động nhạy bén trong việc phát triển mở rộng các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chứng từ, sổ sách theo dõi các hoạt động đầu tư tài chính và đầu tư khác

của công ty hầu như còn rất sơ sài, chưa đáp ứng được việc theo dõi và phân tích tình hình hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác của công ty. Để góp phần thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty đặc biệt là hoạt động đầu tư tài chính, em xin đưa ra một số giải pháp sau:

+ Đổi mới các phương pháp kinh doanh để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất bằng cách luôn luôn tìm tòi, học hỏi để đề ra các phương pháp kinh doanh tối ưu, tiết kiệm sức người, sức của mà vẫn đạt được yêu cầu của công việc. Đây cũng là giải pháp tăng lợi nhuận của công ty, tăng tích lũy cho việc kinh doanh, mở rộng đầu tư giúp cho công ty thoát khỏi tình trạng thiếu vốn kinh doanh.

+ Phải thường xuyên rà soát tình hình tài chính của công ty, phát hành thêm cổ phiếu để huy động nguồn vốn nhà rỗi hay nguồn vốn sử dụng kém hiệu quả vào các hoạt động đầu tư khác mang lại hiệu quả cao hơn.

+ Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán về hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác. Để đáp ứng được yêu cầu này, công ty phải hoàn thiện ngay khâu chứng từ, sổ sách, bảng biểu kế toán theo dõi chi tiết mọi hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác của công ty. Có như vậy, một mặt mới cung cấp những thông tin cho quản trị công ty nhằm đánh giá và có những quyết định hợp lý chính xác cho việc lựa chọn đẩy mạnh hoạt động đầu tư tài chính. Mặt khác, nó cũng là những tài liệu phục vụ cho việc phân tích thường xuyên hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác để đạt được kết quả kinh tế cao nhất, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực bằng cách tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn quản lý kinh tế có đủ trình độ nhất định:

Biết thu thập và vận dụng phương pháp xử lý thông tin phù hợp, nhạy bén, năng động, chớp thời cơ, lựa chọn loại hình danh mục đầu tư hợp lý giảm thiểu rủi ro trong quá trình đầu tư.

+ Quan tâm để thấu hiểu và cập nhật các thông tin về đầu tư tài chính vì đây cũng là một lĩnh vực chủ yếu và không kém phần quan trọng trong quá trình phát triển của công ty. chính vì lẽ đó mà trong mẫu báo cáo kết quả kinh doanh đã bao gồm cả lợi nhuận từ hoạt động tài chính.

4.3. Tác động các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của công ty

CHỈ TIÊU	NĂM 2010	NĂM 2011	MỨC BIẾN ĐỘNG	
			SỐ TUYỆT ĐỐI	TỶ LỆ %
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.686.307.556	43.948.605.157	10.262.297.600	31
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	20.075.352			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.666.232.204	43.948.605.157	10.203.859.140	30.3
4.Giá vốn bán hàng	31.262.672.900	41.346.658.767	10.083.985.860	32
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.403.559.304	2.601.946.390	619.612.598	26
6.Doanh thu hoạt động tài chính	949.408.584	1.034.392.017	84.983.433	8.8
7.Chi phí tài chính	532.578.008	610.317.710	77.739.702	14.5
- Trong đó: Chi phí lãi vay	532.578.008	610.317.710	77.739.702	14.5
8.Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.066.772.920	2.076.118.363	9.345.443	0.45
9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	753.616.960	949.902.334	405.809.127	53.7
10.Thu nhập khác	370.417.276	490.054.279	119.637.003	32
11Chi phí khác	190.119.977	203.697.082	13.577.105	7.1
12.Lợi nhuận khác	180.297.299	286.357.197	106.059.898	58
13.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	933.914.259	1.236.259.531	223.831.457	24
14Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	261.495.993	309.064.883	47.568.890	31
15Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	672.418.266	927.194.648	254.809.127	21

Qua bảng trên ta thấy mức biến động khoản mục lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2011 so với năm 2010 tăng 21% là do ảnh hưởng của các nhân tố sau:

- Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2011 so với năm 2010 tăng 10.203.859.140 đồng tương đương tăng 30.3% làm cho lợi nhuận gộp tăng 10.203.859.140 đồng do đó lợi nhuận sau thuế tăng 10.203.859.140 đồng

- Doanh thu tài chính năm 2011 so với năm 2010 tăng 84.983.433 đồng tương đương tăng 8.8% làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 84.983.433 đồng do đó lợi nhuận sau thuế tăng 84.983.433 đồng

- Thu nhập khác năm 2011 so với năm 2010 tăng 119.637.003 đồng tương đương tăng 32% làm cho lợi nhuận trước thuế tăng 119.637.003 đồng do đó lợi nhuận sau thuế tăng 119.637.003 đồng

- Giá vốn hàng bán tăng 10.083.985.860 đồng tương đương tăng 32% làm cho lợi nhuận gộp giảm 10.083.985.860 đồng do đó làm cho lợi nhuận sau thuế giảm 10.083.985.860 đồng

- Chi phí tài chính tăng 77.739.702 đồng làm cho lợi nhuận sau thuế giảm 77.739.702 đồng

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 9.345.443 đồng tương đương tăng 0.45% làm cho lợi nhuận sau thuế giảm 9.345.443 đồng

- Chi phí khác tăng 13.577.105 đồng làm cho lợi nhuận khác giảm 13.577.105 đồng do đó lợi nhuận sau thuế giảm 13.577.105 đồng

- Chi phí thuế thu nhập hiện hành tăng 81.879.577 đồng làm cho lợi nhuận sau thuế giảm 81.879.577 đồng

** Các nhân tố làm tăng lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2011:*

Doanh thu từ HĐKD tăng làm lợi nhuận sau thuế tăng	:	10.262.297.600
Doanh thu tài chính tăng làm cho lợi nhuận sau thuế tăng	:	84.983.433
Thu nhập khác tăng làm cho lợi nhuận sau thuế tăng	:	119.637.003
Tổng cộng tăng		10.466.918.040

* Các nhân tố làm giảm lợi nhuận sau thuế :

Giá vốn hàng bán tăng làm lợi nhuận sau thuế giảm	10.083.985.860
Chi phí tài chính tăng làm lợi nhuận sau thuế giảm	77.739.702
Chi phí QLDN tăng làm lợi nhuận sau thuế giảm	9.345.443
Chi phí khác tăng làm lợi nhuận sau thuế giảm	13.577.105
Chi phí TTNDN hiện hành tăng làm cho LNST giảm	81.879.577
Tổng cộng giảm	10.266.527.690

Sau khi bù trừ các nhân tố làm tăng và giảm ta thấy lợi nhuận sau thuế của công ty 2011 so với 2010 tăng 405.809.127 đồng

4.4. Các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời của Công ty

Ngành xây dựng cơ bản, thi công xây lắp sản xuất theo đơn đặt hàng, đấu thầu. Các sản phẩm xây lắp được sản xuất ra theo yêu cầu về giá trị sử dụng, về chất lượng đã định của người giao, người nhận. Cho nên tiêu thụ sản phẩm xây lắp tức là bàn giao công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành cho đơn vị giao nhận thầu và thu tiền về. Việc thiêu thụ sản phẩm chịu ảnh hưởng khách quan của chế độ thanh toán theo hạng mục công trình, và khối lượng hoàn thành theo giai đoạn quy ước, hoặc thanh toán theo đơn vị hạng mục công trình đã hoàn thành. Do đó DT cũng phụ thuộc vào thời gian thi công và tiến độ hoàn thành công việc. Sau đây là một số biện pháp làm tăng lợi nhuận của DN:

- Thứ nhất:

Công ty cần đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, tìm kiếm các hợp đồng mới, nâng cao khả năng đấu thầu để tăng DT, từ đó nâng cao lợi nhuận. Đẩy nhanh tiến độ thi công công trình có thể áp dụng những biện pháp sau:

+) Phải thường xuyên nâng cao chất lượng các công trình thi công để tạo uy tín trên thị trường, vì vậy Công ty cần phải chú trọng đến nguồn NVL đầu vào cho mỗi công trình, đồng thời cũng nâng cao tay nghề cho người lao động, khuyến khích khả năng sáng tạo của người lao động, ngoài ra cũng phải thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị sử dụng trong thi công công trình xây dựng

+) Mở rộng quy mô trên toàn quốc, đặc biệt là những nơi có các công trình xây dựng của nhà nước, nơi có dự án phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, để có thể dễ dàng hơn khi tiến hành thi công công trình

• Thứ hai:

+) Do đặc điểm sxkd của ngành là chu kỳ sản xuất dài, cho nên thành phần và kết cấu chi phí sản xuất không những phụ thuộc vào từng loại công trình mà còn phụ thuộc vào từng giai đoạn công trình. Trong thời gian thi công công trình, chi phí tiền lương để sử dụng máy móc thi công chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Trên thực tế, phần lớn chi phí của công ty đều nằm trên những công trình chưa hoàn thành. Mặt khác do điều kiện thi công mỗi công trình là khác nhau, quy mô địa điểm là khác nhau nên công nhân thường xuyên phải di dời. Do đó sẽ phát sinh một số loại chi phí di dời máy móc thiết bị. Vì vậy giảm chi phí là một trong những biện pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

+) Tiết kiệm NVL: Đây là khoản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sx của công ty. Để tiết kiệm khoản mục này công ty nên xây dựng cho mình một kế hoạch sx hợp lý, sử dụng định mức tiêu hao NVL hợp lý. Đặc biệt công ty cần thường xuyên theo dõi giá thành NVL xây dựng trên thị trường dự đoán mức độ tăng giảm của nó trong tương lai, từ đó có kế hoạch mua NVL một cách hợp lý, tránh tình trạng mua với giá quá cao hoặc chậm tiến độ thi công để đợi NVL

+) Công ty nên chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý tiền mặt, chế độ thanh toán, cần nhanh chóng giải quyết công nợ để thu hồi vốn tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn

+) Cần tiến hành các biện pháp nhằm giảm chi phí lãi vay phải trả, hiện nay công ty đang huy động vốn từ nhiều kênh khác nhau như vay ngân hàng, phát hành cổ phiếu... Vì vậy chỉ cần sử dụng vốn một cách hợp lý, tăng cường quản lý vốn lưu động, rút ngắn thời gian ở mỗi khâu mà vốn đi qua nhằm rút ngắn thời gian chu chuyển vốn lưu động

+) Giảm chi phí QLND: Sắp xếp bộ máy quản lý gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả góp phần làm giảm chi phí quản lý. Để có thể quản lý chi phí một cách chặt chẽ công ty cần rà soát các khâu bằng cách tổ chức lao động hợp lý, các

chính sách đổi mới công nghệ trong quản lý phù hợp với khả năng tài chính của công ty

- Để góp phần thúc đẩy sx kinh doanh tại công ty đặc biệt là hoạt động đầu tư tài chính, em xin đưa ra một số giải pháp sau:

+) Đổi mới các phương pháp kinh doanh để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất bằng cách luôn tìm tòi, học hỏi để đưa ra các biện pháp tối ưu nhất, tiết kiệm được sức người sức của mà vẫn đạt được hiệu quả kinh tế. Đây cũng là giải pháp tăng lợi nhuận của công ty, tăng tích lũy cho kinh doanh, mở rộng việc đầu thầu

+) Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán về hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác. Để đáp ứng được yêu cầu này, công ty cần phải hoàn thiện ngay khâu chứng từ sổ sách, bảng biểu kế toán theo dõi chi tiết cho mọi hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác của công ty. Có như vậy một mặt mới cung cấp những thông tin cho quản trị công ty nhằm đánh giá và có những quyết định hợp lý, chính xác cho việc lựa chọn hoạt động đầu tư

KẾT LUẬN

Sự thành công hay thất bại của một doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào các thông tin rút ra từ việc phân tích đánh giá các bản báo cáo tài chính doanh nghiệp trong đó có báo cáo kết quả kinh doanh

Đề tài khóa luận tốt nghiệp : “Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh” đã đề cập giải quyết các vấn đề sau:

1. Về mặt lý luận : đã nêu ra được mục đích , phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, sự cần thiết phân tích báo cáo kết quả kinh doanh, các phương pháp và nội dung phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại 1 doanh nghiệp.

2. Về vấn đề thực tiễn: đã nêu ra công tác tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh của công ty- một công ty chuyên kinh doanh Bán buôn, bán lẻ vật liệu xây dựng,nhận thầu các công trình xây dựng và lấy số liệu của năm 2011 để minh chứng.

3. Từ lý luận đối chiếu với thực tế của đơn vị ,khóa luận đã nêu ra được một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ở công ty, các biện pháp tập trung chủ yếu ở khâu phân tích báo cáo kết quả kinh doanh.

Phạm vi đề tài khá rộng và phong phú do thời gian có hạn và trình độ nhiều hạn chế nên khóa luận còn nhiều thiếu sót, em mong các thầy cô giáo đóng góp ý kiến để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Thị Huệ

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- **Giáo trình phân tích báo cáo tài chính** của trường ĐH kinh tế Quốc dân-do PGS.TS. Nguyễn Năng Phúc-trưởng bộ môn Phân tích hoạt động kinh doanh chủ biên.
- **Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh** do PGS.TS. Phạm Thị Gái và tập thể cán bộ giảng dạy của khoa kế toán trường Đại học kinh tế Quốc dân biên soạn.
- **Chế độ kế toán doanh nghiệp** ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- **Chuẩn mực kế toán số 21** Ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Trang web: [www. Chuanmucketoanvietnam.com](http://www.Chuanmucketoanvietnam.com)

Và một số tài liệu, số sách do Công ty cổ phần Hàng Kênh – Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh cung cấp

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÀI CHÍNH LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	11
I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	11
1.1 Khái niệm báo cáo tài chính.....	11
1.2. Mục đích vai trò của báo cáo tài chính	11
1.2.1 Mục đích của báo cáo tài chính.....	11
1.2.2 Vai trò của báo cáo tài chính.....	12
1.3. Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp	13
1.3.1 Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ.....	14
1.3.2 Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính tổng hợp	14
1.4. Yêu cầu báo cáo tài chính	15
1.5. Những nguyên tắc cơ bản lập báo cáo tài chính	15
1.6. Trách nhiệm lập, kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nhận báo cáo tài chính.	17
1.6.1 Trách nhiệm lập báo cáo tài chính	17
1.6.2. Kỳ lập báo cáo tài chính.....	18
1.6.3 Thời hạn nộp báo cáo tài chính	19
1.6.4 Nơi nhận báo cáo tài chính.....	20
II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	20
2.1. Khái niệm và kết cấu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	20
2.1.1 Khái niệm	20
2.1.2 Kết cấu.....	21
2.2. Công tác chuẩn bị trước khi lập báo cáo kết quả kinh doanh	23
2.3. Nguồn số liệu và phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	23
2.3.1 Nguồn số liệu	23
2.3.2 Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	23
III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ	

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	27
3.1. Mục đích và ý nghĩa, chức năng của việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp.....	27
3.1.1 Khái niệm phân tích báo cáo tài chính.....	27
3.1.2. Ý nghĩa của phân tích báo cáo tài chính	28
3.1.3 Mục đích của phân tích báo cáo tài chính.....	28
3.1.4 Chức năng của phân tích báo cáo tài chính.....	30
3.2. Nội dung và phương pháp phân tích báo cáo tài chính.....	31
3.2.1 Nội dung phân tích báo cáo tài chính.....	31
3.2.2. Phương pháp phân tích.....	32
3.3. Phương pháp phân tích báo cáo kết quả kinh doanh.....	34
3.3.1 Phương pháp chung.....	34
3.3.3 Phân tích một số tỷ suất tài chính	37
3.3.4 Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	39
CHƯƠNG II THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH - XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH.....	33
I.GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH – XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH.....	41
1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty	41
1.1.Lịch sử hình thành và phát triển của công ty	41
2.Đặc điểm tổ chức bộ máy của công ty cổ phần Hàng Kênh- Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh	43
2.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy của công ty	43
2.3 Cơ cấu bộ máy quản lý và các đơn vị chức năng của công ty	44
2.4 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh.....	45
2.5 Hình thức kế toán áp dụng tại xí nghiệp	46
2.6 Các chế độ và phương pháp áp dụng	48
II.THỰC TẾ TỔ CHỨC LẬP BCKQKD TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH – XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH	49

1. Một số công việc chuẩn bị trước khi lập BCKQKD tại công ty.....	49
1.1 Kiểm tra, kiểm soát các chứng từ cập nhật	49
1.2 Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian	50
1.3 Thực hiện khóa sổ kế toán tạm thời	50
1.4 Kiểm kê tài sản và sử lý kiểm kê	50
1.5 Khóa sổ kế toán chính thức	51
1.6 Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	51
1.7 Kiểm duyệt đóng dấu	51
2. Thực trạng công tác kế toán lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng Kênh – Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh.....	51
3. Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng Kênh xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh.....	63
3.1 Căn cứ lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 tại công ty.....	63
3.2 Phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Cty năm 2011.	63
III. THỰC TẾ TỔ CHỨC CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH.....	68
1. Ý nghĩa của việc phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của công ty	68
2. Các bước thực hiện phân tích đánh giá tình hình thực hiện tài chính trong năm 2011	68
CHƯƠNG III HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH –XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH.....	73
I. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BCKQKD TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH –XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH	73
1. Một số nhận xét chung về công tác kế toán tại Công ty cổ phần Hàng Kênh-Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh.....	73
1.1. Những ưu điểm.....	73
1.2 Những hạn chế.....	74
2. Nhận xét về tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng	

Kênh- Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh.....	75
2.1 Ưu điểm.....	75
2.2.Những hạn chế.....	75
3. Nhận xét về tổ chức phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng Kênh – Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh	76
3.1 Những ưu điểm.....	76
3.2 Những hạn chế.....	76
II.NHỮNG KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH	77
2.1 Công tác kế toán tại công ty.....	77
2.2 Hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp.....	78
2.3 Về lập báo cáo kết quả kinh doanh	79
2.4 Về phân tích báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	79
III.HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH-XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH.....	80
3.1 Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty Cổ phần Hàng Kênh–Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh.....	80
3.2 Hoàn thiện kế toán chi phí tại công ty Cổ phần Hàng Kênh -Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh	86
3.3 Hoàn thiện kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty.....	90
3.4 Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty Cổ phần Hàng Kênh Xí nghiệp xây dựng Hàng Kênh	92
IV.HOÀN THIỆN CÔNG TÁC PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH -XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG HÀNG KÊNH	95
4.1. Phân tích tổng quát tình hình tài chính của công ty trong các năm gần đây	98
4.2.. Đánh giá sơ bộ kết cấu chi phí và kết quả thông qua các hoạt động	100
4.3. Tác động các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của công ty.....	103
4.4. Các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời của Công	

ty	105
KẾT LUẬN	99
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	100